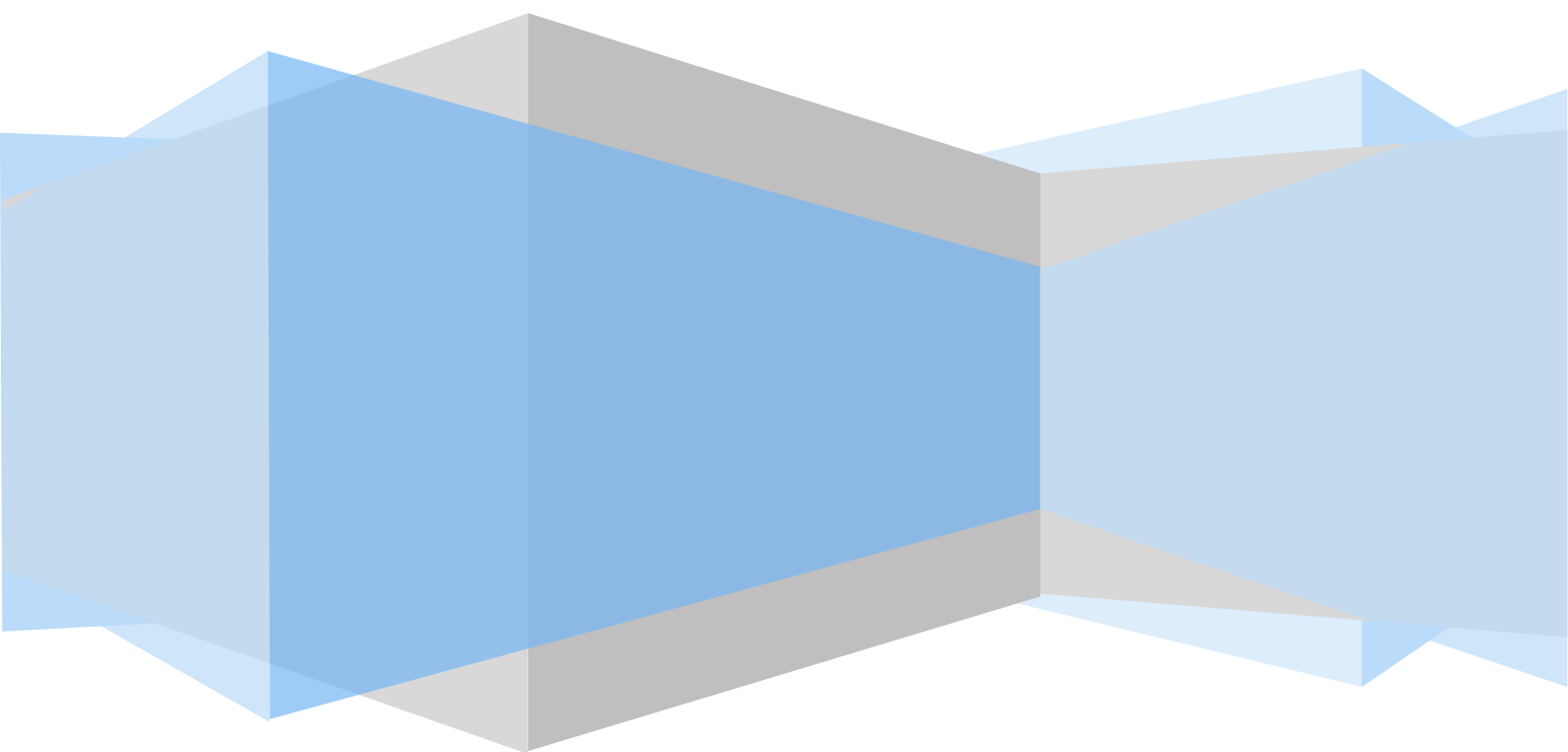


CHUYÊN SAN

TRẠI HÒE

TRẠI CỜ





Mục lục

1) Khởi đầu – Trích "Trường ca" – Đỗ Trung Việt K3	4
2) K3 – Trần Hà Đông K3	5
3) K4 – Hồ Quý Kỳ K4	6
4) K5 – Kiến Quốc K5	7
5) K6 – Nguyễn Hữu Nghị K6	7
6) Thời gian và kỷ niệm – Ban Biên soạn SRTKL1 (Trích).....	8
7) Chuyện chưa ai biết – hameok6	10
8) Chuyện chưa biết – Hoàng Quốc Hùng K5.....	12
9) Để có sự thành công trong việc mở Trường – Chính ủy BÙI KHẮC QUỲNH (Trích)	13
10) Nhớ lại – Nguyễn Cương K3.....	16
11) Đại đội trưởng của tôi – Trích "Như những tấm gương" - Trần Hồ Bắc K3	21
12) Trại Hòe: trâu và cánh cam – Lê Tự Thành K4	24
13) Những ngày đầu trở thành người lính – Phan Nam K5	27
14) Đại đội trưởng đầu tiên – Kiến Quốc K5 (Trích).....	32
15) Lời ru trẻ mãi, còn ta thì già – Đức Dũng K5	34
16) Nhớ về Khoa 6 của tôi – Nguyễn Hữu Nghị K6 (Trích)	36
17) Nhớ về Trại Hòe – Đức Dũng K5	39
a) Tắm mừng.....	40
b) Cảm giác đầu tiên	43
c) Nuôi chim	44
d) Quây.....	45
e) Tên chính thức	46
18) Phở Thắng ngày ấy – Bùi Thế Tâm	48
19) Một số hình ảnh ngày nay – Bùi Thế Tâm	54
a) Làng Trại Hòe.....	54
b) Trại Cờ	59
c) Thị trấn Thắng.....	59
d) Một số hình ảnh Thị trấn Thắng.....	60

Khởi đầu

Những năm 64, 65 không thể nào quên
Khi những trái bom đầu tiên rơi trên miền Bắc
Còn quá bé nhỏ để theo cha anh đi đánh giặc
"Nguyễn Văn Trỗi, Thiếu sinh quân"...
Những từ ấy vang lên háo hức, tự hào
Niềm tự hào trong những trái tim còn rất trẻ thơ.

Bắt đầu từ Trại Hòe và, 108 cái tên trong các tổp đầu tiên
Như gợi nhớ chuyện Lương Sơn anh hùng tụ nghĩa
Ta bước vào cuộc sống xa nhà. Hồ hởi, vô tư như thế!
Những chiếc chăn gấp vuông, những bước đi đều,
những buổi đào công sự đầu tiên...

(Trích „Trường ca” - Đỗ Trung Việt K3, SRTKL2: 693-697)



Ngày 23-24/3/1965 những học viên đầu tiên thuộc K3, K4, K5
Trường thiếu sinh quân Nguyễn Văn Trỗi có mặt tại Trại Hòe -
Hiệp Hòa - Hà Bắc, bắt đầu trang sử của ngôi trường thân yêu và
cũng là sự bắt đầu cho trang sử của mỗi cá nhân chúng ta...

(Trần Hà Đông K3)

... những người đầu tiên:

K3: 47

Lê Việt Bắc	Ng. Hữu Hoàng	Vũ Ngọc
Trần Hồ Bắc	Phạm Phi Hùng	Lữ Thái
Phan Hải Bằng	Ng. Quang Hưng	Ng. Trọng Ch. Thắng
Đoàn Đức Bình	Trần Hùng	(Nguyễn Thắng?)
Phan Thế Châu	Hồ Phước Khải	Dương Thanh
Hà Quang Chí	Lê Khắc Khảm	Phạm Sĩ Thành
Lê Viễn Chiến	(Ng. Bá Khôi?)	Ng. Doãn Thịnh
Hoàng Minh Chính	Võ Duy Kiên	Ng. Đồng Tiến
Nguyễn Cương	Chu Văn Kim	Trần Tiến (sần)
(Hoàng Định)	Nguyễn Thanh Kỳ	Cao Long Tỉnh
Nguyễn Vũ Định	Tổng Thái Liên	Ng. Văn Toàn
Trần Hà Đông	Hoàng Quang Linh	Ng. Văn Trung
(Ng. Tiến Dũng?)	Nguyễn Khắc Linh	Lê Trịnh Tường
Ng. Thanh Hải	Nguyễn Tuấn Linh	Đỗ Trung Việt
Đồng Xuân Hiền	Lê Tường Long	Bùi Quang Vinh
Nguyễn Hoàng	Lê Cảnh Nghĩa	...

(Trần Hà Đông K3)

K4: 50

Nguyễn Đình Bá	Đỗ Đình Luân	Ng. Phước Thắng
Phạm Đức Bằng	Hồ Xuân Mai	Ng. Quang Thắng
Lê Chi	Phạm Mạnh	Vũ Toàn Thắng
Ng. Văn Chiến	Ng. Xuân Miên	Lê Tự Thành
Phạm Minh Cường	Hoàng Minh Nghĩa	Phạm Hồng Thao
Phùng Thế Đà	Lê Trung Nghĩa	Phạm Văn Thành
Dương Minh Đức	Trần Chí Nghĩa	Phan Hoài Thuận
Lâm Duy	Trần Chí Nhân	Huỳnh Xuân Thủy
Ng. Hồng Hải	Phạm Hùng Nguyên	Đặng Quốc Tiến
Đoàn Phú Hòa	Mai Phong	Nguyễn Văn Tín
Ng. Ngọc Hùng	Văn Công Phước	Nguyễn Văn Tuấn
Lê Trí Hưng	Nguyễn Phục Quốc	Lê Ngọc Tuấn
Phạm Mạnh Kiên	Mai Sinh	Ng. Sơn Tùng
Ngô Minh Kính	Trần Tuấn Sơn	Hoàng Ngọc Việt.
Hồ Quý Kỳ	Hoàng Minh Thái	VH
Ng. Trung Liêm	Ng. Văn Thái	TrĐ ...
Đoàn Long	Lê?Trần? Tất Thắng	

(Hồ Quý Kỳ K4)

Quân chính trị lên từ tháng 3, quân hậu cần lên từ tháng 8

(MK) *(Huỳnh Xuân Thủy)*

K5: 20

Ng. Quang Bắc	Lê Chí Hòa	Phan Nam
Bùi Chương	Văn Tiến Huấn	Đình Khởi Nghĩa
Hà Văn Công	Hoàng Quốc Hùng	Trần Kiến Quốc
Lê Kinh Doanh	Trần Mạnh Lành	Trần Minh Sơn
Phan Đức Dũng	Nguyễn Lâm	Hoàng Quốc Toàn
Võ Dũng	Trương Ngọc Liên	Phạm Lê Trực
Trần Hiền	Huỳnh Tấn Lợi	...

K6: 5

Vũ Điện Biên	Vũ Biên Hòa	Ng. Quốc Thắng
Ng. Đức Cảnh	Ng. Hữu Nghị	...

Ngày đó, thầy Bùi Khắc Quỳnh là Chính uỷ, còn thầy Nguyễn Điền là Hiệu trưởng, thầy Dương Hưng Tuấn là Hiệu phó, (chủ nhiệm Chính trị Phan Hồng Khanh, chủ nhiệm Giáo dục Lê Ngọc Bình, chủ nhiệm Hậu cần Vũ Xuân Tiêu, trưởng ban Hành chính Đào Nam Linh). Thấy các thầy chỉ huy có nước da sạm nắng, bọn trẻ con đứa nào cũng sờ sờ...

K3 đang học lớp 7. Thầy Bạch Quốc Bính là đại đội trưởng.

K5 đang học lớp 5 do thầy Ninh Cử Trực (trung úy) làm đại đội trưởng.

Đoàn Phú Hòa K4:

... Có thể ví von lính "Trại Hòe" chúng mình như các chiến sĩ Tân Trào, là những người góp phần tạo nên ngày 15.10.1965.

Thời gian và kỷ niệm

Ban Biên soạn SRTKL1

Từ tháng 3 năm 1965, con em có cha mẹ công tác ở Tổng cục Chính trị, Hậu cần, Bộ Tổng Tham mưu, Văn phòng Bộ Quốc phòng "lục tục" tập trung lên Tiểu đoàn 126, Trường Văn hóa Quân đội tại Hiệp Hòa (Hà Bắc). Khi đó các lớp 5, 6, 7 được sống trong doanh trại Trại Hòe, còn các anh lớp 9, 10 sống ở Trại Cờ (gần Phố Thăng - phố huyện của Hiệp Hòa).

Chương trình chủ yếu thời kì đầu là ổn định tổ chức và ôn tập văn hóa. Ngoài ra, anh em được làm quen với việc đào hầm chữ A và giao thông hào phòng không, tập các phương án chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Máy bay Mỹ thường bay qua vùng trời nơi trường đóng quân để đánh phá Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, sân bay Kép... Có thời gian các lớp phải sơ tán vào dân (sáng đi, chiều về) để tránh máy bay Mỹ, đây cũng là thời gian để làm quen với "công tác dân vận". Chiều về được đá bóng trên sân vận động của trường và bơi lội ở mương thủy lợi sau doanh trại.

Đêm 15 tháng 7, toàn trường được lệnh hành quân chuyển địa điểm, các lớp khẩn trương thu dọn tư trang, sách vở... chuẩn bị lên đường. Một đoàn xe tải quân sự bật bùng, quăng 8 giờ tối, có mặt trên sân vận động, các lớp lên xe theo chỉ huy của đại đội trưởng. Đây là đợt hành quân đầu tiên trong đời lính. Xe đi theo "đường chiến lược" từ Hiệp Hòa tắt qua Thái Nguyên. Đường xóc

và tối như bưng. Riêng khi qua khu gang thép Thái Nguyên thì thấy đèn sáng trưng, chả thấy không khí chiến tranh đâu cả. Quãng 1 - 2 giờ đêm thì đến cây đa cổ thụ xã An Mỹ (Đại Từ, Bắc Thái). Sau đó, đứa nào đứa nấy vừa ngủ gà ngủ gật vừa hành quân bộ tiếp tục vào các bản làng sát chân núi (để chừng tới 2 - 3 km). Từng tiểu đội được xé lẻ ra phân vào các hộ dân. Một đừ, sau khi được phân chỗ là lăn quay ra ngủ. Sáng hôm sau tỉnh dậy mới biết thế nào là Chiến khu Việt Bắc (?), cả lòng chảo An Mỹ chìm trong sương sớm, không gian lạnh tanh, xa xa vắng tiếng mõ trâu lốc cốc và tiếng suối róc rách. Ăn sáng xong là mò đi thăm rừng ngay. Lạ mà! ...

(Trích "THỜI GIAN VÀ KỶ NIỆM" - Ban Biên soạn SRTKL1)



Chuyện chưa ai biết

Ghi theo lời kể của Hoàng Quốc Hùng K5

Sáng nay, Quốc Hùng trước khi đi dự họp mặt K5 đã vào chào vợ cùng mẹ vợ (cô Hiền, TCCT, hay đưa đón lính Trỗi từ Đại Từ, Hưng Hoá và cả hồi Quế Lâm về HN). Bà bảo: "*Tập 3 của các con hay nhưng còn thiếu*". "*Thiếu gì mẹ?*". "*Ừ, để mẹ kể...*".

... Đầu năm 1965, có cuộc họp ở văn phòng TCCT. Có 4 "sếp": Chủ nhiệm Song Hào, Phó chủ nhiệm: Phạm Ngọc Mậu, Lê Hiến Mai và Lê Quang Đạo. Trung úy Hiền, ngày đó rất trẻ, xinh gái, cũng có mặt.

Sự kiện Vịnh Bắc bộ đã xảy ra hồi 5/8/1964. Có mấy tháng mà chiến tranh phá hoại đã mở rộng ra toàn miền Bắc. Tuy vậy, mấy tướng lĩnh vẫn đùa vui bằng chuyện tiểu lâm.

Cụ Mậu đùa:

- Chị Hiền ơi, thấy chị xinh gái nên trong các cuộc họp tôi hay trêu. Nhưng không có ý gì đâu. Vui ấy mà.
- Dạ, không có gì đâu. – Trung úy Hiền cười.

Tiếp đó, thủ trưởng Mậu nêu vấn đề: "*Càng ngày, giặc Mỹ càng mở rộng chiến tranh, leo thang ra miền Bắc. Bom đạn càng ác liệt không kém gì ở miền Trung, miền Nam. Con cháu chúng ta phải sơ tán xa HN, HP. Tuy vậy, bố mẹ các cháu chiến đấu ngoài chiến trường sẽ không yên tâm khi con cháu mình học tập, sinh sống trong điều kiện không an toàn...*".

Chuyện càng sôi nổi. Có cụ đưa ra ý kiến, nên chẳng thành lập trường nội trú, sơ tán xa thành phố, về làng quê cho con cháu học tập.

Cụ Lê Quang Đạo lúc đó đã nêu ý kiến: *“Thời chống Pháp, chúng ta đã tập trung thiếu sinh quân ở các trung đoàn, sư đoàn về trường TSQVN, cho sang Trung Quốc học tập. Anh em ra trường và trở thành những cán bộ tốt. Tại sao, ngày nay ta không thành lập trường TSQ như thế? Nếu tổ chức tốt, sau này, các cháu sẽ là lực lượng kế cận, bổ sung cho chúng ta...”*.

Chủ nhiệm Song Hào nêu vấn đề: *“Hiện nay, TCCT có trường VHQĐ, sau khi từ Lạng Sơn về đã đóng quân ở Hiệp Hoà, Hà Bắc. Nay, trường chỉ bồi dưỡng học viên đi B. Bộ khung của trường có thể chuyển sang làm khung cho trường TSQ, đồng thời sử dụng số giáo viên đã có và bổ sung thêm. Chúng ta sẽ đào tạo các cháu con em TCCT, BTM, TCHC là học sinh phổ thông từ lớp 5 đến lớp 10. Sau khi ra trường sẽ cho đi học tập, rèn luyện tiếp ở các trường sĩ quan, sau này sẽ là lực lượng kế cận”*.

Vậy là ý tưởng thành lập trường TSQ NVT đã nhen nhúm trong các tướng lĩnh của TCCT.

Và, chỉ ít ngày sau, ngay tháng 3/1965, số học sinh đợt đầu tiên đã tập trung lên doanh trại ở Trại Hòe, Hà Bắc. Đó là số lính đầu tiên của D126, trường VHQĐ...

Chuyện này chỉ có 5 người có mặt hôm đó biết. Đã 45 năm trôi qua. Đến hôm nay còn mỗi cái cô trung uý trẻ, xinh đẹp ngày ấy. Xin cảm ơn bà và Quốc Hùng đã kể lại chuyện hay!

Chuyện chưa biết

hameok6

Có thể chỉ là chưa biết với tôi.

Lâu nay vẫn nghĩ thầy Tuấn là hiệu trưởng duy nhất của trường mình. Mãi hôm rồi mới biết là không phải.

Tuy ngày 15/10/1965 trường mình mới khai giảng năm học đầu tiên, nhưng chúng ta đều biết trường đã thành lập từ trước đó, từ Trại Hòe, Hà Bắc, từ tháng 12/1964 và khi đó thầy Nguyễn Hữu Điền là hiệu trưởng. Thầy Điền chính là hiệu trưởng đầu tiên của trường mình cho tới tháng 8/1965 thì thầy Tuấn mới thay thế. Thầy Điền cũng chính là phụ huynh của anh Nguyễn Thanh Kỳ K3 và Nguyễn Hoài Đức K6.



Nếu tôi nhớ không lầm, theo những thông tin “vườn sản” (chứ không phải “vía hè”) thì cho tới khi khai giảng năm học 65-66, trường mình chưa có tên chính thức. Lúc đầu còn mang con dấu “Tiểu đoàn 126”, sau đó hình như có ý định sẽ gọi là “Trường Thiếu sinh quân Trần Quốc Toàn”, nhưng cuối cùng thì là “Trường Văn hóa Quân đội Nguyễn Văn Trỗi”.



Để có sự thành công trong việc mở Trường

*Hồi ức của nguyên Chính uỷ BÙI KHẮC QUỲNH **

Sự giúp đỡ chí tình

Một sáng tháng 4 năm 1965, trung tướng Song Hào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đến thăm Trường Văn hoá Quân đội ở Trại Hòe, Hà Bắc. Sau khi thăm các lớp với gần một trăm học sinh, Chủ nhiệm làm việc với Ban giám hiệu. Trong lúc chờ đợi, tôi ngỏ ý: *"Trường Văn hóa nay đã thu hẹp nhiệm vụ, đề nghị anh cho tôi được ra đơn vị chiến đấu"*. Chủ nhiệm cười và nói: *"Rất hoan nghênh nhưng anh phải ở lại. Tổng Quân uỷ đã có quyết định thành lập trường Thiếu sinh quân, dạy văn hoá cho con em cán bộ đang chiến đấu trên các chiến trường và các gia đình có công, theo chương trình phổ thông từ lớp 5 đến lớp 10, kết hợp rèn luyện thêm về quân sự để sau này đào tạo thành cán bộ kế cận lâu dài cho quân đội. Quan trọng nhất bây giờ là phải tìm được địa điểm mới, đảm bảo an toàn. Trường sở có thể làm bằng tranh, tre, nứa, lá, cố gắng sao cho kịp nhận học sinh và khai giảng năm học mới vào đầu tháng 10 năm nay"*.



Ngay sau đó, chúng tôi họp Đảng uỷ xác định công việc và khẩn trương phân công thực hiện.

Hiệu trưởng Nguyễn Điền cùng chủ nhiệm Chính trị Phan Hồng Khanh, chủ nhiệm Giáo dục Lê Ngọc Bình và chủ nhiệm Hậu cần Vũ Xuân Tiêu được cử về Hà Nội liên hệ với các cơ quan, nhờ giúp đỡ. Do đã có nghị quyết của Tổng Quân uỷ nên đi đến đâu, mọi việc đều được giải quyết hết sức nhanh chóng và thuận lợi. Các đồng chí cùng Cục Tuyên huấn sang làm việc với Bộ Giáo dục. Thứ trưởng Võ Thuần Nho nhận giúp đỡ về chương trình, cung cấp sách giáo khoa và giáo viên văn hóa. Thứ trưởng Bộ Văn hóa Lê Liêm giải quyết sách báo, nhạc cụ và giáo viên giảng dạy nhạc, họa. Cục Cán bộ nhận điều động các cán bộ và giáo viên giỏi về cho trường. Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần Đinh Đức Thiện cho kinh phí xây dựng trường và chỉ thị cho các cơ quan nghiên cứu chế độ sinh hoạt, trang bị cho các cháu như cho những người lính. Cục Quân trang giao cho Xí nghiệp may 10 sản xuất hàng nghìn bộ đồng phục thiếu sinh quân các cỡ (áo blu-dông bay, quần xanh không quần).

Mấy hôm sau, Tổng cục Chính trị cử phó Văn phòng Phạm Ngọc Điền xuống giúp nhà trường đi tìm địa điểm. Đồng chí Điền cùng hiệu phó Dương Hưng Tuấn và trưởng ban Hành chính Đào Nam Linh ra thị xã Bắc Giang gặp bí thư Tỉnh uỷ Lê Quang Tuấn. Các đồng chí đã dành nhiều thời gian đi khảo sát những địa điểm mà tỉnh giới thiệu, nhưng không tìm được nơi nào đạt yêu cầu, đặc biệt về an toàn.

Khi lên Thái Nguyên, được Tỉnh uỷ giới thiệu về huyện Đại Từ gặp anh Khánh Vân, bí thư Huyện uỷ và anh Lý Thanh, chủ tịch Uỷ ban. Rất may, anh Lý Thanh lại là anh em kết nghĩa với anh Song Hào. Các đồng chí rất nhiệt tình giới thiệu về xã An Mỹ. Đó

là nơi có địa thế kín đáo, có rừng núi bao quanh, là vùng giải phóng trước cách mạng và là an toàn khu trong kháng chiến chống Pháp¹. Đồng chí Thanh, đồng chí Tời phó chủ tịch huyện cùng về xã An Mỹ gặp đồng chí Lân (bí thư Đảng uỷ), đồng chí Đào Văn Dĩ (chủ tịch) và đồng chí Tâm (trưởng Công an xã). Chúng tôi cùng các anh xắn quần, chống gậy, lội suối vào từng bản làng để khảo sát và thống nhất kết luận: *An Mỹ là đất lành!*

Sau khi báo cáo với Bộ Tổng Tham mưu, địa điểm đã được chấp thuận. Việc tổ chức di chuyển nhà trường do Bộ Tổng Tham mưu đảm nhận. Chỉ trong một đêm, trường đã dời từ Trại Hòe về An Mỹ, tuyệt đối an toàn. Ngay hôm sau, thầy trò cùng nhân dân An Mỹ và các xã lân cận vào rừng sâu chặt vầu, tre, lấy gỗ, lá về làm nhà ở và lớp học. Sau hơn một tháng lao động khẩn trương, nhà trường đã có được cơ sở cần thiết. Trước ngày khai giảng, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Phạm Ngọc Mậu, người được phân công trực tiếp chỉ đạo nhà trường, đã lên kiểm tra công tác phòng không, đảm bảo an toàn của nhà trường. Đồng chí còn giới thiệu nhà trường làm việc với tư lệnh Quân khu I, để đưa đơn vị công binh về đào hệ thống hầm, hào và ngụy trang thêm cho các lớp khối cấp II.

Đúng là, không có quyết tâm ở trên, không có sự giúp đỡ nhiệt tình của các đơn vị quân đội, các cơ quan, bộ, ngành và chính quyền địa phương cộng với sự nỗ lực của thầy trò thì khó có thể khai giảng năm học đầu tiên của trường Thiếu sinh quân Nguyễn Văn Trỗi đúng vào ngày 15 tháng 10 năm ấy.

(Trích „Để có sự thành công trong việc mở trường” - SRTKL2: 60-64)

Nhớ lại

Nguyễn Cương K3

Bản thân mình là một thằng lười mà viết càng lười hơn.

Nhưng nghĩ đến thời kỳ ở trường Trỗi rất nhiều kỷ niệm lại kéo về trong tâm tưởng, nhưng viết ra thì thật là khó mình thuộc loại dốt văn mà. Nghĩ mãi mới ra một cách nhớ lại theo thời gian nhớ đến đâu viết đến đấy, để các bạn cùng hồi tưởng với mình.

Vào trường

Cương hồi cấp 2 là học sinh trường Nguyễn Trãi 2 (để phân biệt với NT3 lúc đó mới được thành lập ở đường Giang Văn Minh). 1965 đang học ở lớp 7D cùng lớp với Lê Việt Bắc. Một hôm giờ ra chơi Bắc khoe với mình: "Ngày mai tao đi học ở trường thiếu sinh quân đấy". Thế là trưa đi học về mình bắt mẹ vào hỏi các chú trong thành xin cho mình lên trường. Lúc đó khoảng tháng 2 tháng 3 năm 65, sau vụ vịnh Bắc Bộ năm 64 các gia đình ở Hà Nội đã đưa các con đi sơ tán rồi. Bà chị mình được giao nhiệm vụ đi quản lý hai em gái mình ở nơi sơ tán, ở nhờ nhà người bà con họ hàng ở Thường Tín, Hà Đông. Mình còn ở Hà Nội là có trách nhiệm chủ nhật đưa gạo và đồ tắc tế cho chị và hai đứa em ở nơi sơ tán. Khi đó ý bà mẹ mình cũng không muốn để mình đi, nhưng vì cứ đòi đi, lý do là ở nhà toàn con gái nên bà suy nghĩ cân nhắc rồi cũng vào trong thành bộ đội xin cho mình đi. Thế là mình đi khám sức khỏe, rồi làm hồ sơ, rồi lên trường.

Mình lên trường là không theo đợt tổ chức của bộ đội nên phải tự đi. Ông anh rể chồng bà chị cả mình đưa đi. Đi tàu hỏa từ HN lên ga Sen Hồ, rồi đi nhờ xe com-măng-ca của bộ đội đến phố Thăng, rồi vào Trại Hòe. Lúc đi trên tàu gặp bố con Khắc Khảm cũng vào trường nên bốn người cùng đi.

Trường lúc bấy giờ là doanh trại của cán bộ chuẩn bị đi B nên cũng khá đơn sơ, toàn bộ là nhà tranh, tre, nứa, lá, tường trát rơm trộn đất sét, quét vôi. Cả doanh trại khoảng 3-4 ha nằm trên một quả đồi thấp, miền trung du thường thấy. Đằng sau bếp và nhà ăn có một dòng nông giang lòng 3-4m, nước khá trong, anh em chúng ta hay ra tắm, còn lại xung quanh doanh trại là các đồi trầu. Theo trí nhớ của mình doanh trại hơi giống hình thước thợ. Nhà bếp và nhà ăn vuông góc với hai dãy nhà. K3 (thực ra lúc ở Trại Hòe mới có 3 lớp, lớp 7 K3, lớp 6 K4, lớp 5 K5) ở dãy phía đông, K5 ở dãy đối diện qua một cái sân chiều rộng bằng đúng chiều dài của dãy nhà ăn, dãy nhà của mấy ông cán bộ đi B. Hết dãy nhà của K3 & K5 một cái sân bóng đá khá rộng, dãy nhà của K4 nằm ở hai đầu sân bóng - về điểm này Cương nhớ không rõ lắm nhưng chắc chắn là K4 nằm ở phía sân bóng. Thế là bắt đầu cuộc sống doanh trại, cuộc sống tập thể.

Nhớ ngày đầu tiên vào trường, lúc đến doanh trại đã sang buổi chiều, nộp giấy tờ xong bậc phụ huynh ra về, Cương và Khảm chưa có bát nên phải ăn sau mới mượn được bát, Chiến Thắng bị mất bát cũng cùng ăn. Mình nhớ lúc đó hội Dương Thanh, Việt Bắc, Hữu Hoàng xúm vào chọc Chiến Thắng, bảo hai thằng mình phải ăn nhanh lên không Thắng ăn hết phần. Sau này mới biết Chiến Thắng ở nhà quen ăn ngon rồi nên vào mâm ăn hết

cái gì ngon là buông bát ra về. Nghe nói Bùi Vinh tức quá lấy bát của ChTh vứt đi. Kể lại cho vui các bạn đừng tự ái nhé.

Hồi đó vì mới thành lập nên lên trường chủ yếu là các bạn gần thành Cửa Bắc; khu 25 Phan Đình Phùng, khu Lý Nam Đế, khu Trần Phú, Điện Biên Phủ, khu Nam Đồng. K3 chia thành 2 lớp, 1 lớp học Trung văn, 1 lớp học Nga văn tiếp tục theo chương trình của các trường ở Hà Nội. Nhưng lúc này cuộc sống sinh hoạt thì khác hẳn ở nhà, hoàn toàn giống như cuộc sống của một anh lính. 11 chế độ sinh hoạt trong ngày của bộ đội được thực hiện nghiêm chỉnh. Cũng sáng dậy gấp chăn màn, tập thể dục ăn sáng theo hiệu lệnh keng, cũng kiểm tra nội vụ theo điều lệnh quân đội, tập điều lệnh đội ngũ của quân đội, cũng báo động khẩn cấp tính thời gian như anh lính. Chỉ có vài điểm khác là:

- Thứ nhất: Lúc đó anh em chúng ta mới có 13-14-15 tuổi.
- Thứ hai: Các bậc Phụ huynh của chúng ta có lẽ sợ nhà nước còn nghèo nên xung phong đóng tiền nuôi dưỡng chúng ta.
- Thứ ba: lúc đó vì tập trung vào chiến đấu nên trường VHQĐ tạm thời không chiêu sinh là bộ đội số lượng lớn nên các cô giáo thày giáo của trường VHQĐ chuyển sang dạy chúng ta, vì thế tên và con dấu của trường đều là trường VHQĐ, sau này lấy tên là trường Nguyễn Văn Trỗi nhưng tất cả giấy báo điểm gửi về nhà chúng ta đều đóng dấu trường VHQĐ. Về điểm này có rất nhiều bạn băn khoăn và hay tự đặt tên cho trường chúng ta là trường TSQ Nguyễn Văn Trỗi; Nhưng điều này là không chính xác, vì nếu tra văn bản giấy tờ thì không tìm đâu ra trường TSQ Nguyễn Văn Trỗi. Nhưng về thực chất lúc đó chúng ta là những

chú thiếu sinh quân không thể gọi khác đi được. Với cách đào tạo rèn luyện như vậy chỉ có các trường thiếu sinh quân mới có.



Bắt đầu cuộc sống của những chú lính nhỏ cũng khá hay, mình không biết có bạn nào nhớ nhà tối lên giường trằn trọc khóc lén không chứ mình thì không. Lên lớp học thì vẫn học chương trình phổ thông bình thường, ngoài giờ học trên lớp là sự xen kẽ giữa các buổi tự ôn và tập quân sự. Phải nói là lúc đó việc tập quân sự anh em chúng ta rất nghiêm chỉnh và rất chính qui, đồng thời các thầy cô duy trì việc học tập, rèn luyện của chúng ta nghiêm khắc đúng như trong doanh trại quân đội (bởi vì các thầy cô đều là sĩ quan quân đội mà).

Ngày thường có rất ít thời gian rỗi. Sáng dậy vệ sinh cá nhân tập thể dục, đi ăn sáng, kiểm tra nội vụ xong lên lớp học. Trưa về ăn trưa rồi ngủ trưa, chiều học ôn và tập quân sự. Tất nhiên học vẫn là chính nhưng mọi hoạt động đều phải đi theo đội ngũ như trong doanh trại quân đội. Có lẽ anh em chúng ta sống quá quen với nếp sống đó rồi nên thấy rất bình thường, nhưng giờ nghĩ lại

so sánh với các trường nội trú khác thì mới thấy cuộc sống sinh hoạt như thế là rất nghiêm ngặt. Một lẽ nữa là đại đa số chúng ta đều ở trong quân đội nên cách sinh hoạt như thế là tất nhiên.

Thời gian đó có lẽ thoải mái nhất là chủ nhật. Được tự do đi chơi và nghỉ ngơi. Nhớ lại hồi ấy ra phố Thăng, sang nhất là ăn phở của HTX ăn uống ngoài phố Thăng, bây giờ cũng chẳng nhớ được mùi vị của nó nhưng nhớ là ăn ở đấy là ngon rồi. Một lần ra phố Thăng cùng Quốc Chính, Trung Việt và Hà Đông, đi qua Trại Cờ thấy một con chim (hình như là con cà cưỡng họ nhà sáo) bị mắc lưới tơ của một con nhện to, chân vằn đen vằn vàng ở trong bụi tre già (con nhện này quả là đặc biệt, nếu hồi ấy mà bắt cả con nhện thì bây giờ có một tiêu bản động vật quý hiếm rồi). Quốc Chính vào bắt đưa cho Trung Việt, về Trung Việt nuôi được một thời gian thả ra thì nó đi mất.

Thời gian nghỉ không đi chơi thì ra nông giang tắm, nước trên miền trung du khá trong và mát, dòng nông giang không sâu chỉ độ ngang ngực nhưng thế là bơi được rồi. Nhưng dòng nông giang này có một đoạn ống ngầm để đóng hoặc mở nước cho dòng nông giang thấp hơn một chút, thế là có sáng kiến lặn qua ống ngầm sang bên kia. Theo trí nhớ của mình thì Phi Hùng là người đầu tiên lặn qua ống ngầm, sau đó anh em theo cũng lặn qua được.

Học hết học kỳ 2 lớp 7 thì bọn mình chuyển sang Trại Cờ thi hết cấp 2. Lúc này nhà trường chuẩn bị chuyển lên Đại Từ, Thái Nguyên. Khóa 3 lên lớp 8, nhà trường bắt đầu tổ chức cấp 3 vì thế có khóa 1 (lớp 10) và khóa 2 (lớp 9).

Và như thế là sang hồi 2 "Yên Mỹ - Đại Từ - Thái Nguyên".

Đại đội trưởng của tôi

Trần Hồ Bắc K3

Ngày mới lên trường ở Trại Hòe, chúng tôi đang học lớp 7.

Thầy Bạch Quốc Bính là đại đội trưởng. Thầy đã phải làm mọi việc để chúng tôi quen với tập thể và nếp sống tập thể.

Còn nhớ dạo ấy, ngày chủ nhật, học sinh thường được đón gia đình lên thăm. Có bố mẹ, có quà. Ngày chủ nhật vui lắm! Nhưng một lần, thầy Bính tuyên bố: tất cả quà của gia đình lên thăm, tập trung lên nhà đại đội. Chúng tôi thắc mắc: quà của gia đình là của riêng, sao lại phải thu, nộp? Tuy chấp hành mà nhiều người vùng vằng. Tối hôm ấy, vào sinh hoạt, thầy hỏi chung cả lớp:

- Hôm nay, nhiều em có gia đình lên thăm, cũng có nhiều em không có ai lên thăm. Có phải các gia đình ấy không thương yêu con em mình?

Chúng tôi nhìn nhau, chưa biết trả lời thế nào thì thầy nói tiếp:

- Không phải như vậy, mà vì bố mẹ các em ấy đang công tác, nhiều người đang ở chiến trường xa, chịu nhiều gian khổ, trong đó có cả sự hi sinh, nên không có điều kiện chăm sóc, thăm nom con em mình. Thầy đề nghị, các em nên san sẻ tình cảm gia đình mình cho các bạn đang thiệt thòi, thiếu thốn!

Tất cả chúng tôi chợt hiểu ra ý thầy, nhận ra sự vô tâm của mình. Nhanh chóng, số quà được chia đều, liên hoan chung trong

đại đội. Thật bất ngờ và cảm động! Về sau, không cần thầy nhắc, chúng tôi đều tự động san sẻ quà bánh, cả niềm vui, nỗi buồn cho bạn bè trong lớp.

Cũng hồi ở Trại Hòe, nguồn nước ăn, tắm giặt đều là nước giếng. Không có máy bơm; để có nước dùng phải có gầu, có cần vọt. Bé bỏng như chúng tôi khi ấy, có được một gầu nước là "cả một vấn đề". Đã có lần, một bạn đang kéo nước, bị cần vọt kéo tuột xuống giếng, may mà có người đến cứu. Đối với số giếng ven đồi, nước mấp mé bờ, tình hình "có khả quan" hơn. Nhưng những lúc cao điểm, sau giờ thể thao, giờ lao động chiều... số người đông mà số gầu có hạn, vẫn xảy ra hiện tượng "kẹt". Thầy Bính đã ra tận nơi, xem xét rồi hướng dẫn chúng tôi: *Buổi sáng, bớt một trực nhật, mang gầu ra giếng, múc sẵn đổ vào các chậu. Khi anh em tập thể dục xong, xuống đánh răng rửa mặt, cứ chậu trung đội nào thì trung đội đó dùng, đỡ phải chờ đợi.* Biện pháp của thầy giải quyết ngay được tình trạng ùn tắc, không còn ai vì chậm mà lên lớp muộn. Không nói ra nhưng chúng tôi thấm thía bài học "mình vì mọi người".

Đợt ấy, cả đại đội tiến hành tẩy giun. Theo chỉ định của quân y: Thuốc khá mạnh, có tác dụng ngay nhưng dễ làm người uống hoa mắt, chóng mặt. Đại đội cho uống vào buổi tối. Ai uống thuốc được "ưu tiên" nghỉ tập thể dục sáng, bớt lao động nặng. Khi trung đội tôi ngủ dậy, điều bất ngờ là thấy đã có sẵn nước rửa mặt được gánh về đầu hồi nhà; ngay cả phần cơm sáng cũng được anh em trung đội 2 ưu ái, mang về tận trại giúp. Thì ra, thầy Bính đã động viên trung đội bạn, giúp đỡ chúng tôi lúc đang "chân yếu, tay mềm". Được thầy và các bạn "nâng niu" như vậy, tuần

sau, khi trung đội bạn vào điều trị, trung đội tôi nhanh nhẩu trực nhật hộ. Rất vui vẻ, tự giác.

Có một kỉ niệm của riêng tôi với thầy Bính: Cuối năm lớp 7, tôi và sáu bạn thi hết cấp không đạt yêu cầu. Khi được thông báo kết quả, tôi bị hụt hẫng đến òa khóc. Chính lúc ấy, thầy đến với tôi. Không động viên, an ủi chung chung, mà thầy chỉ cho tôi nguyên nhân dẫn tới kết quả xấu: đó chính là tư tưởng dẫu dốt, ngại hỏi; đó là việc học lệch, lơ là các môn tự nhiên; đó là sự thiếu quyết tâm phấn đấu... Được thầy chỉ bảo, vạch ra khuyết điểm, tôi đã quyết tâm và tự tin hơn, bước vào ôn tập và thi lại. Câu chuyện của thầy hôm đó trở thành động lực, giúp tôi suốt những năm học sau. Khi đã vượt qua kì thi lại, rồi kì thi tốt nghiệp phổ thông... thì tôi càng thêm biết ơn các thầy, cô, các bạn và biết ơn thầy Bính, đại đội trưởng của tôi!

(Trích "Như những tấm gương" - Trần Hồ Bắc K3, SRTKL2: 310-314)



Trại Hòe: trầu và cánh cam

Lê Tự Thành K4

Không may mắn lắm là "được" lên trại khá sớm, trước ngày khai trường nên rơi vào số ít ỏi đầu tiên của K4. Khi đó trường còn nhỏ, thiếu chỗ nằm nên mình phải nằm chung với Quang Thắng. Rất may là thắng này ngoan, không hay... bắt nạt bạn mới. Còn mình thì không phải lần đầu xa nhà. Nhưng vẫn là lần đầu lớn mà xa nhà nên nhớ mẹ lắm. Đêm nằm cứ tranh thủ... khóc thầm. Nước mắt nước mũi chùi hết vào màn Quang Thắng. Không rõ nó không biết hay cố tình lờ đi mà sáng sáng gấp màn chẳng thấy nói gì. Nhưng có lẽ cả năm nó cũng chẳng giật màn. Nói quá vậy thôi chứ hình như Quang Thắng không ở lâu với bọn mình. Nó bị đau gì đó ở đầu nên sau này gia đình đưa về Hà Nội sớm thì phải. Có lẽ chỉ một học kỳ lớp 7.

Mình nhớ Trại Hòe nhiều trầu. Cuối thu có rất nhiều cánh cam trên những cây trầu. Chúng bay vào nhà buổi tối. Có thằng bắt lấy. Mà thật ra thì dễ bắt lắm. Sau đó bẻ hai chân (tụi trẻ vẫn rất tự nhiên tiêu diệt các loài nhỏ bé hơn như vậy). Lấy hai que tăm đút vào chỗ bẻ, cắm xuống miếng bẻ



chuối thật chắc. Quay vòng tròn cái bẹ chuối cùng con cánh cam nó sẽ thừa cơ vỗ cánh rất mạnh. Chỉ cần thả xuống hồ nước ngoài cổng là có một chiếc thuyền máy chạy vút sang tận bờ bên kia.

Mình chỉ hay đi theo xem. Bây giờ chẳng nhớ thằng nào hay chơi trò này nữa. Không hiểu bây giờ mà gặp thằng con bần thủ, nghịch đại như mình ngày đó thì ta sẽ nghĩ sao nhỉ. Với tư cách "người lớn" mình lại thấy tội trẻ con thật thiệt thòi khi được chúng ta quan tâm kỹ quá. Mỗi thời một khác, nhưng những gì của tuổi thơ thật đẹp và đẹp mãi.

Nguyễn Hồng Hải K4:

Hồi đó ở trại Hòe gần như thằng nào cũng chơi trò "thuyền cánh cam", so với các "thú vui" khác như: muỗi SG, bão táp... thì không ăn thua gì cả.

Đồng ý với các bạn, so với anh em ta thì đám con cháu ngày nay không nghịch bằng nhưng khi xưa chúng ta nghịch theo kiểu con nít, còn bị giờ nếu lũ trẻ mà nghịch, phụ huynh chỉ còn nước khóc.

Đoàn Phú Hòa K4:

Cám ơn Tử Thành viết về thời Trại Hòe, Trại Cau nhé. Máy lần tôi có nói với Hữu Thành về vụ "các chiến sĩ tiên phong" cánh mình, nhưng nó chỉ giương mục kính lên hứ một tiếng là thôi. Quả tình máy đưa thuộc loại "sinh sau, đẻ muộn" nên không biết là phải.

Tôi là một trong những thằng đặt chân lên đất Trại Hòe ngay ngày đầu tiên. Người thầy mà chúng tôi gặp đầu tiên khi vừa nhẩy ra khỏi ô tô là thầy Cầu.

Hai dãy nhà của K4 nằm ngay bên tay trái sát cổng trường. K5 nằm bên tay phải và K3 lùi sau một tí, ngay sân bóng chuyền của đơn vị bộ đội đang tập đi B.

Tôi biết gặt, đập lúa là cũng nhờ thời gian ở Trại Hòe, khi anh em mình ra giúp dân.

Quang Thắng tuy ít nói nhưng hồi đó có một thời "nổi danh" mà nhiều người biết vì cái chuyện ăn kẹo lẻ trong chăn và chuyện thứ hai là chỉ với một bài toán nhỏ mà nó hì hục tìm ra 54 cách giải.

Đoàn Long thì dính vào vụ "đường Sông Lam của quê tao ngọt lắm" nên mỗi thằng được nó rót thẳng một thìa vào miệng, đến khi phát hiện ra là anh em "nịnh đều" để được tí của ngọt bồi dưỡng thì hộp đường của nó chẳng còn dính lại hạt nào. Tôi biết được tiếng sáo của Ngọc Việt cũng vào thời đó.



Những ngày đầu trở thành người lính

Phan Nam K5

Quảng tháng 5 năm 1965, anh em tôi được gọi lên trường theo khối Tổng cục Chính trị. Vì cha tôi đi công tác xa, nên mẹ tôi chuẩn bị từ A đến Z cho tụi tôi. Anh tôi khi đó mới 14, còn em tôi 11. Đây là lần đầu tiên xa nhà không có cha mẹ đi cùng, và đây cũng chính là bước ngoặt của cuộc đời.

Xe Tổng cục đưa tụi tôi từ Cửa Đông lên Hiệp Hòa. Đây cũng là lần đầu tiên được đi trên quốc lộ 1 qua Gia Lâm, tới Bắc Ninh, rồi rẽ vào Hiệp Hòa – một huyện trung du của tỉnh Hà Bắc. Qua thị xã Bắc Ninh thấy hoa phượng vĩ nở khắp phố, hè đã về. Sau khi xe qua phố huyện Hiệp Hòa thì rẽ vào Trại Hòe – doanh trại của Tiểu đoàn 126, trường Văn hóa Quân đội. Vừa thấy xe chúng tôi lên, tụi con em các Tổng cục chạy ra hô vang: "*Ê, lính mới, lính mới!*". Sau này mới biết các cậu lên đây rải rác từ 15 tháng 3.

Tôi được xếp về đại đội 5 do thầy Ninh Cử Trực (trung úy) làm đại đội trưởng. Các đại đội 4, 5, 6, 7 được bố trí xung quanh sườn đồi xen lẫn những rừng phi lao, ở giữa là hai sân vận động lớn. Những ngày đầu ổn định tổ chức, tụi tôi được ôn lại văn hóa. Điều ngỡ ngàng đầu tiên là chúng tôi được các "thầy giáo bộ đội" tổng hợp kiến thức một cách có hệ thống. Đồng thời với việc ôn văn hóa, chúng tôi được các thầy hướng dẫn cho cách đào giao thông hào và hầm trú ẩn, để phòng máy bay Mỹ đánh phá. (Cách chúng tôi quãng 15-20 km là Nhà máy phân đạm Hà Bắc, Thuộc

lá Bắc Sơn, Sân bay Kép... những mục tiêu đánh phá của giặc Mỹ lúc bấy giờ).

Đang sinh hoạt tự do với gia đình, lên trường chúng tôi phải sống theo điều lệnh, phải sinh hoạt "theo kèng".

- Sáng 5 giờ rưỡi – kèng báo thức.

Trời còn tối như bưng nhưng toàn trường đã dậy ra sân vận động chạy đều và hô vang "một, hai, ba, bốn", rồi tập thể dục. Sau đó về gấp chăn màn và vệ sinh cá nhân.

- 6 giờ 30 - kèng ăn sáng.
- 7 giờ - kèng vào học tập.

Trước khi vào học tập có động tác kiểm tra trật tự, nội vụ. Mỗi người đứng tại đầu giường mình để cán bộ đi kiểm tra, chăn màn được gấp vuông vắn như quyển tự điển và phải xếp thẳng hàng từ giường này sang giường kia. Bát đĩa, bàn chải đánh răng cũng phải xếp đúng chỗ, ngay ngắn. Kiểm tra xong, cả lớp vào học tập.

- 11 giờ 30 – kèng nghỉ học, ăn trưa.

Khi xuống nhà ăn phải xếp hàng theo trung đội và đi đều.

- 13 giờ 30 – kèng báo thức,
anh em đang nghỉ trưa vội bật dậy ra giếng rửa mặt, sau đó lên lớp "tự tu".
- 16 giờ 30 – kèng nghỉ học,
một số được phân công tăng gia, tưới rau; số còn lại được chơi thể thao. Anh em mang bóng ra đá ở sân vận động, sau đó ra con mương thủy lợi sau trường bơi lội thoải mái.
- 18 giờ – kèng cơm chiều.

- 19 giờ – kèng sinh hoạt tối, các lớp tập trung đọc báo, sau đó vào tự học.

- 21 giờ – kèng điểm danh.

Cả đại đội tập trung ra sân kiểm tra quân số; khi đại đội trưởng đọc đến tên, ai cũng phải hô to: "Có!" để báo cáo sự hiện diện của mình trong đơn vị, sau đó cán bộ nhận xét tình hình hoạt động trong ngày và giao nhiệm vụ ngày tới. Điểm danh xong, anh em làm vệ sinh cá nhân.

- 21 giờ 30 – kèng đi ngủ.

Một ngày của chúng tôi như thế đó!

Chủ nhật, chúng tôi được phép đi chơi theo từng tổ 3 người. Anh em tôi hay rủ nhau đi phố Thăng – thị trấn của Hiệp Hòa. Men theo đường làng, chúng tôi đi qua Trại Cờ tới phố Thăng. Phố Thăng ngày đó ngắn lắm, lèo tèo vài nóc nhà và cửa hàng hợp tác xã mua bán của huyện. Tại đây, chúng tôi hay "tự" bồi dưỡng "phở không người lái" – phở chỉ có nước xương, bánh phở, hành và... không có thịt, ngày đó như thế là sướng lắm rồi. Mít, chuối, ổi ở đây rất rẻ; tụi tôi cứ mua rồi cho vào mũ cối vừa đi vừa ăn, tới doanh trại thì "sạch sẽ".

Ăn ở, vệ sinh đã như vậy, còn tóc tai thì sao? Chính các thầy của chúng tôi là những ông thợ cắt tóc lành nghề "xử lý" mái tóc của chúng tôi; thầy Trực là một trong những "ông thợ" đó. Thầy nhìn khuôn mặt mỗi đứa rồi định ra kiểu đầu phù hợp. Nhưng nói chung, cả bọn sướng nhất là cắt cua hay kiểu "I-a-cốp móng lừa". Thầy đã dạy tôi và một số bạn cách cầm tông-đơ, cách cầm kéo, cách cắt tóc ra sao, tỉa thế nào... Và rồi cũng có bạn hy sinh mái

đầu cho tôi thử nghiệm, nếu có bị quá tay thì nhờ thầy sửa dùm. Sau này, tôi đã trở thành một tay thợ cứng của lớp, được nhiều bạn mê tín, thậm chí chỉ với kéo và lược (không cần tông-đơ) tôi cũng làm gọn và đẹp một mái đầu.

Thầy Trực không chỉ cắt tóc hay, mà thầy còn viết chữ, kẻ khẩu hiệu, làm báo tường rất "xuya". Thầy chỉ bảo chúng tôi cách lấy tỷ lệ để cắt vẽ, thầy hướng dẫn các kiểu chữ điển hình như Italic, chữ nét đều..., nhiều bạn được thầy dạy sau này đã thành những tay bút trang trí cho báo tường hay kẻ vẽ khẩu hiệu như Trần Hiền, Nguyễn Lâm, Lê Trực...

Ngoài ra, thầy còn là chân sút không kém, thầy đã hướng dẫn chúng tôi các chiến thuật và tính đồng đội trong thi đấu. Phan Đức Dũng, Trần Lành, Quang Bắc, Hoàng Quốc Toàn, Phan Nam... nhờ thầy đào tạo mà đã trở thành những cầu thủ bóng đá của lớp, của trường sau này.

Cũng từ những ngày đầu, chúng tôi được thầy Ngọc Quý dạy hát tập thể các bài hát truyền thống của Quân đội như "Vì nhân dân quên mình", "Tiến bước dưới quân kỳ", "Tiến về Hà Nội"... không những thế, chúng tôi còn làm quen với tác phong vừa đi đều vừa hát những bài hát truyền thống. Những bài hát truyền thống đó đã đi với chúng tôi suốt cả cuộc đời. Các thầy của chúng tôi không chỉ giỏi trong giảng dạy, mà còn là những tay văn nghệ cừ, mỗi thầy có thể chơi ít nhất một loại nhạc cụ: thầy Hoàng Văn chơi ghi-ta và thổi cla-ri-net, thầy Đinh Khắc Tư chơi măng-đô-lin, thầy Ngọc Quý chơi vi-ô-lông, rồi thầy Thường có thể dựng cả một dàn hợp xướng hát tổ khúc "Tiếng hát người chiến sỹ biên thùy"...

Từ những cô cậu học sinh quen với cuộc sống gia đình, được chiều chuộng, nay lại phải sống theo kỷ luật nhà binh, phải "sinh hoạt theo kèng", nếu không có những người thầy vừa giỏi văn hóa, vừa nhiều tài lẻ như vậy (mà ở đại đội nào cũng có những người thầy như thế) hướng dẫn chúng tôi hoạt động, thì chúng tôi sẽ "phát điên" lên mất, sẽ vi phạm kỷ luật, lại lêu lổng, rồi đánh nhau... và sẽ không trở thành những người lính Cụ Hồ như ngày hôm nay.

Những ngày đầu vào lính của chúng tôi như thế đó.

Còn một kỷ niệm về pháp lý, không hiểu anh em có nhớ: Con dấu của trường ta từ khi ở Hà Bắc và lên Bắc Thái là "BỘ TỔNG TƯ LỆNH – TRƯỜNG VĂN HÓA – TIỂU ĐOÀN 126"?

Thời gian trôi qua, chúng tôi ngày một trưởng thành, những bản chất tốt đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ thấm dần vào máu chúng tôi. Cho đến giờ, ở lứa tuổi 50, nhưng chúng tôi luôn tự hào về nhà trường và những người thầy thân yêu của mình!



Đại đội trưởng đầu tiên

Kiến Quốc K5

Năm 1965. Một sáng tháng 5, anh em tôi cùng Huỳnh Tấn Lợi ra tập trung ở Cửa Đông, được xe Tổng cục Chính trị đưa lên trường. Theo quốc lộ 1A, chiếc xe ca chạy qua thị trấn Gia Lâm, Đông Anh, Bắc Ninh rồi rẽ vào Hiệp Hòa (Hà Bắc). Doanh trại ở trên một quả đồi rộng, có những rặng phi lao cao vút trồng hai bên sân bóng. Trưa hè, nghe gió thổi vi vu như ở biển Sầm Sơn. Lán trại của từng đại đội mái lợp cọ, vách đất trát bùn nhào với rơm, nằm ở ven sườn đồi. Đối diện là những rừng trầu trồng lấy tinh dầu. Dọc sân bóng còn những cầu treo mà mấy tháng trước được dùng cho các sĩ quan rèn luyện đi "B".

Tới Trại Hòe, vừa khoác ba-lô xuống xe, chúng tôi được một trung úy ra đón. Đây đó nhìn thấy những cái đầu húi cua, những ánh mắt không quen và nghe giọng í ới: *Lính mới, chúng mày ạ!* Cũng may, mấy thằng bạn cũ cùng trường: Bắc "đen", Bùi Chương, Quốc Hùng đã chạy đến hỏi han và chỉ dẫn, khiến chúng tôi xóa đi những bỡ ngỡ ban đầu.

Người ra đón chúng tôi là thầy Ninh Cử Trực, đại đội trưởng. Ngay buổi chiều, thầy đã hướng dẫn chúng tôi các quy định điều lệnh trong quân đội. Nói là con nhà binh nhưng thật ra đây là lần đầu được sống trong doanh trại. Nhìn tóc tai chúng tôi đã quá lúa và "không đúng điều lệnh", ngay chiều hôm đó, thầy gọi mấy đứa lính mới ra đầu nhà "gọt". Ngồi nghiêm, nghe tiếng kéo đánh lách tách và không bị tông-đơ giật đau, chỉ một loáng là có một cái đầu đúng kiểu. Sau này, nhiều đứa còn được thầy truyền nghề và đã góp phần làm đẹp cho đời. Được phổ biến, ngoài việc học điều

lệnh, đào hầm hào để phòng máy bay Mỹ thì chúng tôi còn phải ôn văn hóa. Tưởng nghỉ hè tới nơi rồi lại phải học, thật là chán! Và giờ lên lớp đầu tiên không phải ai xa lạ mà chính thầy Trực cầm phấn bước lên bục giảng. Chữ thầy rất đẹp, thầy giảng rất dễ hiểu làm chúng tôi hệ thống được ngay chương trình đã học. Đứa nào cũng phục lẫn; không ngờ trong quân đội cũng có những người giáo viên giỏi như ở trường Lý Thường Kiệt của chúng tôi.

Chiều chiều đến giờ thể thao, thầy cũng đánh trần, chạy ra sân với tụi tôi. Nhìn hai vai thầy nổi u, nghe bọn lính cũ kháo nhau, có cơ thể như vậy vì thầy quá quen với công việc đồng áng. Thầy đá bóng rất khéo và còn bày cho chúng tôi lối đá tập thể. Đức Dũng vốn có năng khiếu bóng đá đã mê thầy từ đó và nhận thầy là "anh nuôi". Thầy sống không hề xa cách chúng tôi, thậm chí đá bóng xong, thầy cũng xách chậu và quần áo ra mương thủy lợi sau doanh trại bơi lội, đùa nghịch.

Trên tường có treo những khẩu hiệu cắt chữ rất đẹp, hỏi ra mới biết là sản phẩm của thầy. Vốn mê vẽ và trang trí, tôi rủ cả Trực "dzĩn", Trần Hiền, Nguyễn Lâm cặp tráp theo học thầy để trang trí báo tường đại đội. Thầy có kiến thức khá rộng về hình họa và biết nhiều kiểu chữ trang trí từ italic, gôtic, courier đến korin... Thầy có thể viết vẽ bằng phấn màu, bút sáp, màu nước, thậm chí cả cách trang trí xé giấy.

Một buổi tối sau giờ đọc báo, nghe tiếng đàn măng-đô-lin đang chơi bài "Làng tôi" của Văn Cao vắng vắng đâu đây. Theo tiếng đàn tôi mò ra góc sân bóng thì thấy cả bọn đang ngồi quanh nghe thầy chơi đàn. Lại một sự ngạc nhiên và khâm phục đến với tôi!

(Trích „Đại đội trưởng đầu tiên” - Kiến Quốc K5, SRTKL2: 239-242)

Lời ru trẻ mãi, còn ta thì già

Đức Dũng K5

Mấy hôm nay tôi hay vào các báo để đọc các tin về bác Võ Văn Kiệt. Đọc tin và ảnh đám ma bạn Trực "Dĩn". Mò vào trang Ut Trỗi đọc được bài của Kiến Quốc viết về Võ Dũng. Đúng như KQ viết, Dũng hồi đó đẹp trai lắm, nghịch ngợm và hay bắt nạt các bạn cùng lớp. Nhưng KQ viết về ngày lên trường của Dũng chưa chính xác.

Dũng lên trường từ khi ở Trại Hòe, Hà Bắc chứ không phải sau này ở Đại Từ, Bắc Thái. Khi đó KQ là lớp trưởng và thầy Trực phụ trách đại đội mình rồi. Tôi nhớ vào một buổi chiều, tôi và Văn Huấn đang bắt chuồn chuồn kim, loại chuồn chuồn nhỏ hay đậu trên ngọn hoa cỏ may hay cây xấu hổ thì thấy một chiếc xe con, rồi bước ra là một phụ nữ cao và gầy cùng cô con gái nhỏ cũng gầy giống mẹ và đi sau là một bạn xách lê chiếc ba lô. Văn Huấn bảo "*Lính mới*", rồi thầy Trực đón cả ba người vào, sau đó thầy giới thiệu Võ Dũng, bạn là người miền Nam. Sau này mới biết người phụ nữ cao gầy đó chính là dì Bảy Huệ vợ của bác Nguyễn Văn Linh.

Tôi có nhiều kỷ niệm với Võ Dũng lắm. Nhất là những lần nhà trường cho học sinh về nghỉ, tôi thường lang thang với Dũng vì lúc đó bố tôi đi chiến trường, mẹ thì ở quê, thành thử tôi chỉ có một mình. Dũng bảo với tôi "*Tao cũng không gia đình như mày vì má và hai em tao hy sinh mà mọi người dẫu tao*". Dũng ơi cũng đừng giận các cô các bác vì như tôi cũng vậy, khi bố tôi hy sinh mọi người cũng dẫu vì sợ chúng mình buồn, ảnh hưởng đến học tập. Rồi tối tối hai thằng lại về nhà 16b Nguyễn Biểu ngủ, căn nhà mà Dũng nói dì Bảy Huệ dành cho Dũng. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ như

in căn phòng đó, sàn lát gỗ lim nằm mát lạnh và chiếc quạt tai voi của Liên Xô cũ.

K.Quốc ơi thế mà đã 43 năm rồi đấy. Không biết trong chúng ta lâu nay có ai quay lại thăm trường cũ ở "Trại Hòe" không? Có ai còn nhớ đêm điểm danh những ngày đầu cả lớp bật cười vì trong lớp có thằng tên là Kinh Doanh - Lê Kinh Doanh, rồi Trần Khởi Nghĩa. Chẳng biết chúng nó bây giờ ở đâu??

Tôi đã một lần đi qua Phố Thắng, bây giờ khác xưa nhiều lắm. Hỏi về Trại Hòe, Trại Cờ có người biết thì bảo *chẳng còn như xưa đâu, chỉ rồi anh cũng không biết đường mà vào, tốt nhất là các bác cứ ngược keng đào là đến*. Nhưng tôi đi xe hơi nên đành quay về. Trên đường về mà cứ thấy vẫn vương và nhớ mãi về một thời đã qua.

*Tôi đi tìm lại ngày xưa
Gặp mùa Phượng đỏ giữa trưa nắng hè.
Bâng khuâng nhớ thửa "Trại Hòe"
Một thời sống giữa bạn bè thân yêu.
Ngày xưa thương lắm những chiều
Tiếng ve sầu níu cánh diều tuổi thơ,
Tôi mang tận đến bây giờ
Cánh cò trong tiếng "Ầu ơ" của bà.
"Con cò bay lả bay la"...
"Ầu ơi hoa cải hoa cà"...
Lời ru trẻ mãi còn ta thì già.*

Chúc các anh em luôn mạnh khỏe. Tôi lại ra đường đây để ủng hộ và cổ vũ cho đội Đức của tôi.

Berlin 19-6-2008

Nhớ về Khoá 6 của tôi

Nguyễn Hữu Nghị K6

Các bạn có biết vì sao khóa chúng tôi được gọi là khóa 6? Vì theo thứ tự các khóa trường Trường Trỗi thì chúng tôi xếp thứ 6. Theo thông lệ mỗi năm, chúng tôi gặp mặt nhau hai lần: vào tháng 6 và tháng 12. Tháng 12 là "tháng của lính" vì có ngày 22 tháng 12. Còn tháng 6 có hai ngày quan trọng trong cuộc đời lính chúng tôi: Đó là ngày nhập ngũ 3 tháng 6 và ngày nhập trường Văn hoá quân đội 6 tháng 6!

Ngày nhập trường

Nhớ lại đầu năm 1965, tình hình chiến sự tăng dần theo thời gian làm việc của bố mẹ chúng tôi, vì họ đều là bộ đội. Bố mẹ đi làm sớm hơn, chiều về muộn hơn và anh em tôi cũng ít được gặp bố mẹ hơn, phải làm việc nhà nhiều hơn. Sau Tết ta, tôi tạm xa Hà Nội cùng các bạn trong khu tập thể 25 Phan Đình Phùng, đi sơ tán về nông thôn để học tiếp phần còn lại của học kỳ 2. Kết thúc năm học, khóa chúng tôi được miễn kì thi tốt nghiệp cấp I, lên thẳng lớp 5. Về Hà Nội nghỉ hè, tôi vội đi tìm cánh bạn học cũ. Vừa ra đường, gặp ngay Thắng "híp". Bạn vui vẻ thông báo: "*Tao và một số đứa sắp được đi học trường Thiếu sinh quân. Trường hay lắm, sống như bộ đội...*". Tôi hỏi:

Làm sao mà may vào được?

- Bố tao xin cho.

Lúc đó, tôi không còn nghĩ điều gì khác nữa vì tôi cũng muốn được đi học trường Thiếu sinh quân như các bạn, muốn trở thành bộ đội như các bạn. Tối hôm đó chờ bố đi làm về, tôi nói ngay: *"Bố ơi, xin cho con đi học trường Thiếu sinh quân! Các bạn của con được đi hết rồi. Như bạn Thắng con bác Nam, bạn Hoà con bác Đôn, bạn Biên con bác Cẩn..."*. Tôi kể tên một loạt các bạn để thuyết phục bố. Ông cũng chưa biết có trường này và hứa sẽ hỏi Cục Cán bộ. Suốt tuần, ngày nào tôi cũng hỏi bố về chuyện này. Cuối cùng, bố cũng nói với tôi rằng đã xin cho tôi được đi học trường Thiếu sinh quân. Sướng quá, tôi chạy đi khoe ngay với các bạn. Tất cả chúng tôi cùng chờ ngày tập trung lên trường.

Ngày 6 tháng 6 năm 1965, cùng nhiều bạn bè, chúng tôi lên xe, xa Hà nội. Tất cả chúng tôi vui đùa mà không cảm nhận được rằng kể từ hôm nay chúng tôi phải rời xa vòng tay chăm sóc, dạy dỗ của bố mẹ và gia đình, vào sống trong một mái trường quân đội. Đó là ngôi nhà thân yêu của chúng tôi trong những năm tháng chống chiến tranh phá hoại miền Bắc và giải phóng miền Nam.

Trại Hoè, Phố Thắng, Hà Bắc. Ở đây có sân bóng rộng mênh mông. Không gian thoáng đãng. Ôi thích quá! Chúng tôi được chia thành tiểu đội và sống cùng trong một ngôi nhà lớn. Chúng tôi phải làm quen với thời gian biểu chặt chẽ. Sáng phải thức dậy sớm tập thể dục, rồi vệ sinh cá nhân, ăn sáng và học bài. Chiều tự học rồi chơi đá bóng, tắm giặt và ăn tối. Chúng tôi quen dần với các tiếng kèn báo hiệu. Khi có kèn *"Cơm cơm cà, cơm cơm muối, ai có đói thì về mà ăn!"* là chúng tôi phải xếp hàng ngay ngắn, đi xuống bếp. Khi có kèn ngủ là tất cả phải lên giường, tắt đèn dầu

đi ngủ. Thậm chí không được nói chuyện riêng. Chúng tôi quen dần với nếp sống mới. Nỗi nhớ gia đình cũng nguôi dần. Chúng tôi vui đùa, học tập cùng nhau. Vui nhất là những đêm sáng trăng, lũ chúng tôi cùng nhau chơi trò trốn tìm, trò bắn bùm và nhiều trò trẻ con khác. Chiều chiều lại ra kênh thủy nông ở gần trường tập bơi... Chính tại sân bóng, chúng tôi gặp lại nhiều người quen cũ (các bạn, các anh cùng sống quanh Thành Cửa Bắc), rồi dần dần làm quen với nhiều bạn bè, anh em ở các khu tập thể quân đội khác. Trước lạ, sau quen, tất cả hoà thành một khối thống nhất. Đúng là cả trường là anh em. Năm đó chúng tôi là lớp em út của cả trường, mới 11, 12 tuổi.

Cuộc sống tập thể vui vẻ cũng không át được không khí chiến tranh. Vùng quê yên tĩnh cũng đã bị khuấy động bởi máy bay Mỹ. Máy bay trinh sát cách mặt đất có lẽ chỉ vài trăm mét, trông to như tấm phản, xé trời bay qua, bay lại. Các vị “tham mưu con” đoán già đoán non: *Mỹ sắp đánh trường ta...* Một buổi chiều, chúng tôi được lệnh thu dọn đồ đạc, lập tức di chuyển. Các thầy, cô chuẩn bị nước uống, cơm nắm cho chúng tôi. Chục chiếc xe tải quân sự, bịt bùng, xếp hàng dọc ở sân bóng. Chúng tôi trèo lên xe, bắt đầu một cuộc hành quân đêm. Đi nhưng không biết đích đến. Xe cứ chạy. Chúng tôi ngủ gà ngủ gật. Cho đến mờ sáng hôm sau thì dừng. Trời se lạnh. Nhìn phía trước là núi cao, sương mù phủ kín. Không xa bãi xe đậu là con suối lớn và gốc đa cổ thụ. Hỏi ra mới biết đây là vùng núi xã An Mỹ, huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên. Một cuộc sống mới lại bắt đầu...

(Trích „Nhớ về Khoá 6 của tôi” - Nguyễn Hữu Nghị K6, Blog K6)

Nhớ về Trại Hòe

Đức Dũng K5

Có dịp về phố Thăng
Hỏi thăm đến Trại Hòe
Bâng khuâng buồn... Muốn khóc
Trường cũ giờ... Vắng hoe

Có lẽ đây lần cuối
Tôi thăm lại Trại Hòe
Tiễn tôi chiều buổi ấy
Cả một trời... Tiếng ve.

Chỉ còn vài cây Trầu
Lơ thơ mấy bụi tre
Một vài đôi sáo nhỏ
Ngơ ngác giữa nắng hè.

Tiếng ve kêu hàng Trầu
Râm ran cả bụi tre
Tiếng ve gọi chiều hè
Nhắc bạn bè thừa ầy
Đừng quên nhé... TRẠI HÒE.

Có lẽ đây lần cuối
Về thăm lại Trại Hòe
Thăm một thời xa cũ
Trẻ thơ giữa bạn bè.

Berlin 30-4-2009

Đức Dũng



Nguyễn Hồng Hải K4:

Bữa nay đọc bài thơ "Nhớ Trại Hòe" của mày, buồn quá. Chỉ có những thằng đã ở Trại Hòe mới đồng cảm được với tâm trạng của mày. Tao nhớ lúc đó chỉ có K3, K4 & K5, mỗi K loe hoe vài chục mạng nên gần như biết nhau hết. Tao còn nhớ như in ngày đầu tiên được nếm mùi ăn ở như người lính mà khi còn ở với gia đình mình không hình dung ra được. Tuy ở Trại Hòe một thời gian rất ngắn (có vài tháng) nhưng tao có nhiều kỷ niệm & nó là cái mốc đánh dấu rất quan trọng trong cuộc đời của tao.

Tắm nương

Nằm ở dưới thấp cách xa doanh trại... Đằng sau bếp và nhà ăn có một dòng nông giang (con mương, kênh thủy nông) lòng 3-4 m, nước khá trong... Mấy cái lỗ cống to đùng và nước chảy rất mạnh là nơi chúng ta thường tắm vào sau giờ binh thao... (NgC, MK)



Cảnh Cống Bốn Cửa... Đi thẳng theo đường đê là vào xóm Trại Mễ, qua cầu sang trái là vào khu trại mới của làng (Ngọc Tân - trước kia là làng Trại Hòe, gồm ba xóm Ba Trại, Tân Chung, Trại Mễ). Con sông này dẫn nước từ sông Cầu trên Thái Nguyên về làng. Ngày xưa mỗi buổi trưa hè trẻ con trong làng thường ra sông tắm, nhưng ngày nay nước không còn sạch nữa, không còn ai tắm.

(Ảnh : Bùi Thế Tâm, chụp 8 giờ, ngày 6/12/2008)

Minh Kính K4:

Trại Hòe là một quả đồi thấp và rộng, không thấy trồng Hòe mà toàn là Trầu và đất sỏi đá ong. Trại Hòe là doanh trại của Trường Văn hóa Quân đội chuyển từ Kiến An lên. Con mương nằm ở dưới thấp cách xa doanh trại. Hình con mương trong ảnh thấy giống lắm nhưng quang cảnh xung quanh thì đã khác nên khó nhận. Máy cái lỗ cống to đùng và nước chảy rất mạnh là nơi chúng ta thường tắm vào sau giờ binh thao.

Nguyễn Cường K3:

Thời gian nghỉ không đi chơi thì ra nông giang tắm, nước trên miền trung du khá trong và mát, dòng nông giang không sâu chỉ độ ngang ngực nhưng thế là bơi được rồi. Nhưng dòng nông giang này có một đoạn ống ngầm để đóng hoặc mở nước cho dòng nông giang thấp hơn một chút, thế là có sáng kiến lặn qua ống ngầm sang bên kia. Theo trí nhớ của mình thì Phi Hùng là người đầu tiên lặn qua ống ngầm, sau đó anh em theo cũng lặn qua được.

Trần Hà Đông K3:

... Hồi ở Trại Hòe, con mương là nơi để lại nhiều kỉ niệm. Chiều chiều sau giờ học, bọn tôi thường ra mương tắm và đùa nghịch. Tôi thường thích thú ngắm nhìn bọn Phi Hùng, Châu "lé", Cảnh Nghĩa ... bơi lội rất giỏi. Thằng Đồng Hiền thấy tôi cứ loanh quanh trên bờ hỏi sao không xuống, tôi bảo không biết bơi, thế là nó đẩy mạnh 1 cái, tôi mặc nguyên quần áo rớt xuống mương, uống mất mấy ngụm nước. Bọn thằng Phi xúm vào đẩy tôi lên bờ, ... thế rồi vài bữa sau tôi bơi được ... rồi cũng lặn hụp như "ai".

Dạo đó đôi lần, nhưng có 1 chiều, thằng nào cũng thấy "ghê ghê" không sao nuốt nổi lưng cơm. Số là ông bạn Kim nói rằng nhìn thấy cái xác thằng "hủi" cụt hết ngón tay ngón chân trôi lững lờ trên dòng kênh, nơi chúng tôi vừa lặn ngụp hồi chiều... nghe rõ là kinh!

Phải rất lâu sau, bằng biện pháp "nghiep vụ", Thắng "mắt xanh" mới phát hiện ra là Chu Kim bốc phét, báo hại anh em...

Nguyễn Văn Tuấn K4:

Hồi mới lên Trại Hoè, đi theo mấy thằng ra con kênh dẫn nước tắm, không biết bơi nhưng thấy chúng nó nhảy xuống nước mình cũng nhảy theo, không biết bơi bị nó cuốn vào dòng xoáy (chỗ cửa cống) mấy vòng, uống bao nhiêu nước tưởng chết, may bám được vào chân một thằng đang bám ở bờ mương, nhất thiết không buông và leo được lên bờ ôm quần áo biến luôn và chữa hản con kênh từ đó. Cũng chẳng biết cứu tinh của mình lúc đó là thằng nào nữa, nó tốt để cho mình bám vào chân nó. Giá như biết được tên nào thì bây giờ cũng mang thủ lợn đến tạ ơn.

Lê Tự Thành K4:

Cái mương thì chắc thằng Thủy nhớ nhất. Nó có biệt danh "Thủy bều" là từ đó. Thấy nó bị dìm mình cũng... bất bình nhưng hèn quá chẳng dám "xả thân".

Minh Kính K4:

Cái cống ở mương mà ta hay tắm ở Trại Hòe không nguy hiểm đến mức ghê gớm đâu, MK đã nhắm mắt nín thở và chui sang bên kia một lần rồi. (Phải là người chuột nhắt mới chui được. Những bạn to đùng có thể mắc kẹt).

Phạm Võ Hùng K8:

Hồi đó, khi được lên thăm các anh, ấn tượng lớn nhất là dòng nông giang này, vừa sạch vừa mát lại không sâu, em cũng đã được tắm ở đó một lần, rất đã. Em Võ.

Cảm giác đầu tiên

Trần Hà Đông K3:

Nhìn thấy Dương Thanh, tui lại nhớ 1 thửa Trại Hòe. Khoảng (23+24/3/1965), nhóm đầu tiên của lớp ta lên trại. Lần đầu tiên sống xa gia đình, ăn ở tập thể thật là vui và biết bao kỉ niệm.

Không hiểu sao, chắc là bắt đầu tuổi lớn, nên cảm giác đầu tiên còn đọng lại là... "đói". Chúng tôi lụng sục tất cả những thứ có thể ăn được: dái mít, dứa dại... và chủ nhật tôi thường hay cùng Lữ Thái đi mót khoai lang - đi xa lắm, hì hụi suốt buổi cũng chỉ được vài vốc, những củ khoai bé tí chỉ bằng ngón tay -... , nhưng lúc đó, cũng thật giá trị và hấp dẫn. Ngày ấy cơm và thức ăn thật ít, tôi cùng TL, Kỳ "cỗ" ăn chung: đổ tất cả cơm và thức ăn vào 1 cái xoong, 3 đĩa 3 cái thìa cùng xúc...

Hồi ấy có lẽ "cánh" TCCT là nổi trội nhất. Bọn 16 Lí Nam Đế (DT, Bắc "cóc", Chính "vện"...) trong chơi đùa thường lần áp Thắng "mắt xanh"... (gần đây Thắng mới "nghĩa lộ" là hồi đó nó trả thù bằng cách đái vào chần màn của bọn này...) Còn chuyện học cũng buồn cười. Phong trào thi đua giữa các tiểu đội ăn thua tới mức Linh "ếch" không được điểm giỏi khóc như mất cắp, không ai dỗ được.

Chuyện còn nhiều mong anh em "bồi đắp".

Nguyễn Tuấn Linh K3:

Lên Trại Hòe, vừa xuống xe cảm giác đầu tiên thấy chung quanh 'trống trải'.

Tiếp theo là 'đơn độc', chẳng thấy ai gần gũi cả, tất cả đều lạ hoắc, từ đây mọi việc đều phải 'tự mình', có gì khó không biết hỏi ai. Lần đầu tiên tự giặt lấy quần áo và phải kéo nước từ giếng lên, được nửa gầu nước thì đổ quạch vì đất sỏi thành giếng rơi vào...

Lấy bát đũa đi ăn cơm phải nhận ra cái nào 'của mình', lấy khăn mặt đi tắm phải nhận ra cái 'của mình', lấy quần áo ngoài dây phơi cũng phải nhận ra cái 'của mình'... 'của mình'... 'của mình'... Ở nhà đâu có phải như vậy.

Những ngày đầu tiên sống tập thể... chán lắm, chỉ muốn về nhà.

Nuôi chim

Nguyễn Cương K3:

... Một lần ra phố Thắng cùng Quốc Chính, Trung Việt và Hà Đông, đi qua Trại Cờ thấy một con chim (hình như là con cà cưỡng họ nhà sáo) bị mắc lưới tơ của một con nhện to chân vằn đen vằn vàng ở trong bụi tre già (con nhện này quả là đặc biệt nếu hồi ấy mà bắt cả con nhện thì bây giờ có một tiêu bản động vật quý hiếm rồi). Quốc Chính vào bắt đưa cho Trung Việt, về Trung Việt nuôi được một thời gian thả ra thì nó đi mất...

Đức Dũng K5:

Tôi không nhớ lắm về tài đánh đàn của Chí Hòa. Nhưng tôi còn nhớ mãi Chí Hòa có tay nuôi chim và gà.

Những ngày đầu ở Trại Hòa, Chí Hòa không hiểu bắt được ở đâu một con chim còn non lắm có lẽ chưa vỡ bọng đá. Chí Hòa đặt tên là con "Cà Cưỡng". Dưới sự chăm sóc của Chí Hòa con chim lớn nhanh lắm, mà không hiểu CH cho chim ăn gì mà nó chỉ loanh quanh mấy ngôi nhà của lớp. Thế rồi có một buổi trưa Minh Sơn "Sơn lợn" trốn ngủ trưa để đi lấy trộm mít đằng sau khu nhà của K4, mà sau dãy nhà K4 là mấy cái chuồng xí và ở đó Sơn bắt gặp con Cà Cưỡng đang ăn giò của nhà xí. Thế là con Cà Cưỡng bị xua đuổi và rồi nó cũng bay mất. Tôi không biết loại chim ấy tên gì nhưng cả lớp gọi là con Cà Cưỡng.

Rồi ngày ở Hưng Hóa Chí Hòa lại nuôi một con gà đặt tên là Trụi vì nó ít lông lắm và nó cũng cứ bám chân Chí Hòa, đi đâu cũng theo. Mà có lúc CH còn cho nó ăn thịt. Cái tài là Chí Hòa luôn làm cho con Cà Cường và con Trụi luôn quí mến và đi theo.

Quây

Hồ Quý Kỳ K4:

Lính Trại Hòe nói chung là hiền. Suốt mấy tháng chỉ có một trận thương đài giữa Phước Thắng và Thuận khi, sau đó anh Mai Sinh nhảy vào can thiệp. Lên Trại Cau lữ ma mới như Quyết Thắng, Đại Cương, Thanh rắn, Khanh xoắn quây mới dữ.

... /K4 :

... Tôi lên trường từ 13/8/65 lúc đó không biết thầy HT, chỉ biết Chính uỷ Bùi Khắc Quỳnh thôi, tôi lên ngày đó thì đụng độ với Võ Dũng và anh em K5, ngày sau thì tôi kéo xuống K5 theo bãi bóng, Mạnh mẽ bị phóng 1 cây nĩa trúng vô bờ trên mắt phải, chảy nhiều máu, phải lên bệnh xá trường băng cầm máu, sáng sau Chính uỷ BKQ trực tiếp hỏi ai chủ mưu nhưng chẳng ai biết cả, riêng Võ Dũng thì biết ai rồi...

Huỳnh Xuân Thủy K4:

TQ ơi, có phải Trương Liên K5 không? Cùng hội với Võ Dũng, Đức Dũng? Ông hỏi xem có đúng thế không vì hồi mới vô trường, tôi gặp mấy ông này đầu tiên nên không quên được, vì đó là lần đầu tiên ở TT có xảy ra va chạm, mà tối đó Mạnh Mực bị dính đòn tại Trại Hòe ngày 13/8/1965! Bây giờ già rồi nhắc để nhớ nhau thôi! Cho TB gửi lời thăm tất cả nhé!

Tên chính thức

Nguyễn Hữu Thành K4:

Tôi không biết thầy Điền, vì nhập học vào tháng 9/65. Nói về Trường, tôi cho rằng có lịch sử lâu dài trước 1965 và sau 1970, liên tục là Trường VHQĐ.

Chỉ riêng thời gian 65-70 trường nhận học sinh là con em cán bộ vì: đó là thời gian tập trung sức cho chiến trường, không có chế độ đi học khi Mỹ đã trực tiếp tham chiến, giữ bộ khung Trường, bảo toàn thể hệ sau cho đấu tranh lâu dài. Trường mang tên Trường VHQĐ vì bản chất, mang thêm tên Nguyễn Văn Trỗi theo truyền thống ngành giáo dục. Sau giai đoạn 65-70 trường lại là VHQĐ. Tuy nhiên vì ngay trước đó Trường là "Nguyễn Văn Trỗi" nên có một số bộ đội đi học lại nhầm là mình học trường VHQĐ Ng.Văn Trỗi.

Sau khi thầy DH.Tuấn về nước, Trường vẫn có thầy Hiệu trưởng chứ nhỉ? Hay là chỉ có 2 phân hiệu mà không có "hiệu"?

Minh Kính K4:

E126 là phiên hiệu của Trường văn hóa quân đội có từ thời ở Kiến An. Nhà trường vẫn dùng dấu của E126 cho tới khi đã mang tên Nguyễn Văn Trỗi. Khi còn ở Trại Hòe, tháng 8 năm 1965 chưa có tên NVT, lời thề lúc đó mở đầu là: "Chúng tôi thiếu sinh quân Trần Quốc Toản, xin thề dưới lá cờ vinh quang của Tổ quốc... ". Do một lý do nào đó mà đổi thành NVT.

Hồ Bá Đạt K8:

Tiền thân của trường Trỗi là Trường Văn hóa Bộ quốc phòng, trường ở thành Lạng Sơn. Bồi dưỡng văn hóa & đào tạo nguồn cho quân đội. Có một giai đoạn chuyển sang dạy các con em bộ đội. Đó là giai đoạn trường mang tên anh Trỗi.

Vào cuối của giai đoạn này, trường có bổ túc văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ lúc trường ở Trung Hà (Hà Tây). Có thể mọi người nhận mình là học trường Trỗi ở đây, như thế cũng không sai! Sau này lại trở về với chức năng cũ là dạy văn hóa, ngoại ngữ cho bộ đội.

Nguyễn Hữu Thành K4:

Lần đầu tiên tôi được biết tới hiệu trưởng DHT và chính ủy BKQ là một buổi tối ở Trại Cau, hình như đã khai giảng. Còn được phổ biến gọi theo "mật danh" là bác Hưng và bác Khắc.

... /K4 :

HT nói không sai, tên hai Cụ gọi là Hưng và Khắc, khi ký Giấy khen hoặc Kỷ luật mới dùng tên chính, còn đúng là khi mới lên Đại Từ thì HT mới Thiếu tá thôi. Nhớ ngày mới lên trường ô. DMĐức chọc ong tôi bị đốt sưng cả mặt, ở Trại Hoè đến tối 30/8 thì 10 giờ đêm nghe báo động, xe ô tô ùn ùn chạy vào, nghe phổ biến sáng mai có thể địch oanh tạc thế là leo lên xe chạy cả đêm, qua phà Lục Ngạn còn phải tự kéo bằng dây song, vì không có Ca-nô. Xe chạy lạc lên Lạng Sơn nên khi lên đến Đại Từ đã sáng rồi! Có lẽ không cuộc Hành quân nào vội vã đến thế, chỉ sau 10 phút là xuất phát, có đĩa quên cả chiếu...

... /K4 :

... Hồi đó ai biết quốc lộ nào, lên xe là chạy, khi đến phà dừng lại, cả đoàn xe dài cả trăm chiếc, qua phà lái xe chạy nhanh chứ sợ máy bay nên mới xảy ra cơ sự chớ! Xe chạy giữa rừng, toàn cây cổ thụ, mà lại đường đất nữa... lái xe ngơ ngợ đi lạc mới dừng lại hỏi 1 quán bên đường, té ra đi lên Lạng Sơn, mới quay đầu xe, chạy mãi sáng ra mới tới Đại Từ thì cả đoàn đã đến nơi đủ rồi... hồi đó đi thế là giỏi rồi, chứ lên đến Lạng Sơn mà mới quay lại chắc chú lái xe bị kiểm điểm mất!

Phố Thắng ngày ấy

Bùi Thế Tâm

Nhà tôi cách Thắng 8 km, vậy mà mãi đến năm 1962 khi học lên cấp 3 tôi mới thật sự biết Phố Thắng. Nửa thế kỷ rồi mà ấn tượng về Phố Thắng ngày ấy vẫn như còn nguyên vẹn trong tôi.



Ở những vùng quê thuần nông như Hiệp Hòa mình chỉ cần có dăm bảy nhà ở ven đường mở cửa bán hàng thì đoạn đường đó đã có thể được gọi là Phố rồi. Hồi kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) dân Nam phần (Bắc Ninh) chạy tản cư lên Hiệp Hòa rất đông, họ chẳng có ruộng nương vườn bãi nên hầu như tất cả đều sống bằng chạy chợ. Ấy vậy là xuất hiện cả loạt phố như phố Bầu, phố Hoa, phố Lữ... Cái tên Phố Thắng có lẽ cũng xuất hiện vào giai

đoạn này; trước đây người ta chỉ gọi Thăng là Huyện, vì Thăng là huyện lỵ có huyện đường.

Tuy lớn hơn những “phố” lẻ nhưng phố Thăng thời tôi biết rất nhỏ bé. Nơi gọi là phố chỉ là đoạn đường từ **bưu điện** ngược lên đến hết chợ Thăng cũ. Chỗ đông vui hơn là **đầu phố dưới, có ngã 5** (hồi đó chưa có **ông tượng**) và đầu phố trên có chợ và cửa hàng Bách hóa. Nghe nói trước đó phố Thăng đông đúc và sầm uất hơn, phố kéo lên tận Bãi Má rẽ sang Trại Cờ. Hòa bình lập lại dân tản cư hồi hương gần hết, lại có chính sách cải tạo tư thương, những người buôn bán phải vào hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã thủ công nên phố xá trở nên sơ xác, nửa như phố nửa như làng, ngày mùa người ta còn phơi cả rơm rạ ra đường nữa.

Đáng kể ở đầu phố dưới là **cửa hàng tổng hợp ăn uống, nơi bây giờ là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, dân ta gọi tắt là tổng hợp. Gọi thế cho có vẻ phong phú chứ ở đây chỉ bán phở, bán chè, đôi khi có bán cả nước giải khát siro, mấy gian nhà cấp bốn khói than đen nhẻm khách ăn phải ngồi cả ra ngoài sân, nơi có hai cây phượng xum xuê. Khi đó chỉ có hai ba hào một bát phở mậu dịch nhưng có tiền ăn phở là sang rồi, chẳng thế có người làng tôi lần nào lên Thăng về cũng say sưa kể chuyện vào tổng hợp ăn phở, khối người nghi ngờ ngữ ấy nói phét. Loại học trò nghèo như bọn tôi mỗi lần đi qua “tổng hợp” có đưa mắt vào cũng chỉ là tò mò ngắm mấy cô nhân viên bán hàng mặc tạp dề trắng vênh vang đi lại; chẳng khác gì các bạn trẻ bây giờ say mê ngắm các “sao” trên sàn diễn. Có thể nói tất cả ngành dịch vụ ăn uống của huyện ta thời ấy chỉ có cửa hàng ăn uống này. Vì lương thực, thực phẩm là thứ mà nhà nước quản lý chặt nên những hàng

phở Chiếu, phở Cộng đồng ở đối diện "tổng hợp", một thời nổi tiếng cả khu 3 cũng dẹp bỏ hết, hàng bún, hàng bánh làm từ gạo đều không còn được bán.

Nhà bưu điện xưa vẫn ở vị trí bây giờ, nó chỉ là ba gian nhà ngói móc núp dưới tán lá cây gạo tây, xung quang có hàng rào nửa, đầu nhà nhô lên đôi cột điện bằng sắt cũ kỹ bám vào rất nhiều xà xứ, dây thép. Thi thoảng mới thấy bóng người vào thả lá thư, mua con tem hoặc đánh bức điện, phần lớn là bộ đội từ doanh trại xuống.

Cửa hàng bách hóa ở đầu trên của phố Thăng là cửa hàng mậu dịch to nhất huyện, lúc nào cũng tấp nập người ra vào. Hình như người dân đã lên đến Thăng thì đều phải đảo qua cửa hàng bách hóa cũng giống như về đến Hà nội phải ghé Bách hóa tổng hợp vậy (nay là Tràng tiền Plaza). Có lẽ ngắm hàng hóa cũng là một thú vui (giống cái thú shopping bây giờ), chứ ngày ấy bách hóa toàn hàng mẫu có gì mua được đâu, hàng hóa thiết yếu đều đã phân phối về xã được bán theo sổ ở cửa hàng cung tiêu rồi. Lớp người ở tuổi chúng tôi rất quen với dòng chữ: "bán phân phối"; "bán tự do" được ghi trên những mảnh bìa đặt cạnh hàng hóa trong tủ hàng mẫu của mậu dịch. Bây giờ nghĩ lại những dòng chữ ấy mới chợt nhận ra rằng: Hóa ra có những câu chữ mang tính thời đại thật sự. Không có từ ngữ nào đắt giá hơn cặp từ ấy để ám chỉ cả một giai đoạn lịch sử chúng ta xây dựng nền kinh tế kế hoạch tập trung. Nếu từ điển lịch sử kinh tế không ghi lại và giải thích kỹ, tôi dám chắc người Việt ta các thế hệ sau chúng tôi sẽ không bao giờ hiểu được và dùng đến cặp từ tưởng như tối nghĩa này.

Tôi trọ học ở Dinh Hương nhưng thỉnh thoảng mấy anh em cũng rủ nhau lên Bách hóa. Lần nào lên chúng tôi cũng ngắm nghía, bình phẩm cái xe đạp favorit của Tiệp màu đỏ được dựng trang trọng trong cái tủ kính bày cao ngang mặt người ngay cửa ra vào của cửa hàng. Nếu tôi không nhớ nhầm thì giá của nó hơn 500 đồng với điều kiện người mua phải có phiếu bán cho mậu dịch hai tạ lợn. Nếu tính cả giá chênh lệch bán lợn giá rẻ cho mậu dịch thì giá của cái xe đạp khoảng 800 đồng. Nhớ rằng lúc đó lương của một kỹ sư chỉ là 65 đồng mỗi tháng. Tôi muốn kể ra chi tiết này để các bạn trẻ có thể so sánh hình dung được đôi điều về đời sống kinh tế lúc bấy giờ.

Dưới cửa hàng Bách hóa một đoạn là Hiệu sách nhân dân, sách chẳng có nhiều nhưng lúc nào cũng đông khách, toàn bộ đội và học sinh. Thời ấy chúng tôi thích đọc, phải chăng phương tiện giải trí quá nghèo nàn chỉ còn biết đọc sách, mà đã đọc rồi thì nghiền. Tôi trọ học ở nhà cậu nên ngoài việc góp gạo cho mợ, tôi không phải nộp tiền thức ăn, thỉnh thoảng mẹ tôi cho đồng bạc, tôi toàn dành dụm để mua sách. Tôi đã mua "Thép đã tôi thế đấy", "Bài ca tuổi trẻ", "Sóng gầm", "Ba mươi năm đời ta có Đảng"... bằng những đồng tiền ít ỏi đó. Đọc xong trao đổi sách với bạn, thế là được đọc rất nhiều. Những người bạn sách của tôi hầu hết ở phố Thăng, họ có tiền, có thời gian và cũng nghiền sách. Chơi với các bạn ở phố, tôi còn được tiếp cận với radio, máy hát (máy quay đĩa cổ chạy bằng dây cót); với một trai làng như tôi những thứ đó thật xa lạ. Các bạn trẻ ngày nay hẳn không tin được, nhưng thời ấy nghe đài là một sự hưởng thụ sang trọng đấy, chẳng thế người ta đi ra đường cũng đeo theo cái đài, đi đến

đâu cái đài nheo nhéo đến đó, người đeo đài đi xe đạp là người khá giả rồi. Ông chủ hiệu may lớn nhất phố Thăng bấy giờ là bạn thân của cậu tôi, lần nào xuống Ba Mô chơi với cậu cũng đeo cái đài Philips to thùng, tự hào lắm, cái đài ấy tuy tốn pin (6 quả pin con thỏ - 9 von) nhưng được cái nói to. Ông ấy mà xuống vào buổi trưa có chương trình hát chèo thì cả xóm chạy sang nghe.

Những năm đó có quan niệm rằng buôn bán chẳng giúp ích gì, không tạo ra sản phẩm cho xã hội, vì thế tư thương trở thành đối tượng cần được cải tạo, các cửa hàng buôn bán hàng hóa phải đóng cửa. Dọc theo phố Thăng chỉ còn các cửa hàng được coi là cơ sở sản xuất như: may vá, sửa xe đạp, cắt tóc, làm dép lố, làm mũ, hàn thiếc, nhuộm quần áo... được mở cửa hành nghề; các cửa hàng buôn bán có lẽ chỉ còn hàng nước. Rồi những người sản xuất cũng vào các hợp tác và thế là phố Thăng xuất hiện hợp tác xã May mặc, hợp tác xã Nhuộm, hợp tác xã cắt tóc, hợp tác xã chụp ảnh... và thành công nhất là hợp tác xã xe bò Liên minh, có trụ sở ở gần ngã tư đường lên doanh trại. Cái xe bò thời đó có bánh gỗ to thùng, bít đai sắt, do hợp tác tự đóng lấy. Vừa qua đến nghỉ ở một resort tôi thấy họ để một cái xe bò bánh gỗ còn nguyên vẹn trên thảm cỏ nhưng làm vật trang trí. Tôi tò mò đến tận nơi xem có đúng là hiện vật thật không, đứa cháu tôi đã học lớp 4 hỏi thản nhiên: *"Ông ơi đây là cái gì?"* Giải thích cho cháu xong tôi nói với bố nó: *đã có lúc mười mấy cái xe bò như thế này là tất cả phương tiện vận tải kinh tế ở huyện Hiệp Hòa mình đấy con ạ!*

Công việc quanh năm của hợp tác xe bò là chở hàng mậu dịch từ Huyện về các xã: vải vóc, giấy vở, dầu muối, phân đạm, thuốc sâu... Tiền công chở theo giá quy định của Nhà nước chẳng đáng

bao nhiêu, nhưng cái được là được quan hệ thân tình với các cửa hàng, với mật dịch viên. Mỗi chuyến đi xã, các bác tài xe bò lại xin được mua thứ này thứ khác, hoặc “hàng võ hàng hồng”, thời buổi gạo châu củi quế như thế mua được hàng phân phối là tươm rồi. Thế nên cái chân xã viên hợp tác xã xe bò hóa ra quý. Cậu tôi trước cái tạo tư thương có hai xe ngựa chở khách Thăng – Sen Hồ, lúc vận động vào hợp tác xã xe bò không thềm vào, sau cứ tiếc mãi.

Đường phố Thăng khi ấy là đường đất có rải lớp sỏi mỏng, người ở quê quen gọi là “đường cấp phối”. Mỗi khi trời mưa nước đọng từng vũng, lại được bánh gỗ xe bò cày nát. Cũng may là thời đó hầu như chỉ có xe đạp, cả ngày mới có một vài chiếc ô tô quân sự đi qua nên đường phố rộng nhưng luôn hình thành lối mòn ngoằn ngoèo của vết xe đạp tránh các vũng nước giữa đường. Phố Thăng ở đỉnh đồi nên rãnh thoát nước ven đường thường bị nước mưa sôi mòn sâu hoắm trơ ra lớp đất đỏ trai lỳ nhẵn thín. Dãy nhà mặt phố phần nhiều là nhà cấp 4 liền kề, mặt tiền rộng rãi, cửa nhà nào cũng có cây phượng hoặc cây gạo tây xanh ngắt. Tôi rất thích ngắm phố sau mưa rào, đường và cây cối được gột rửa sạch sẽ, cây như thấp xuống che phủ những mái ngói rêu mốc, yên ả và thanh bình đến nao lòng. Tôi rất hay liên tưởng phố Thăng với những khu phố kháng chiến được nhắc tới trong Ký sự Cao Lạng của Nguyễn Huy Tưởng; mà còn lãng mạn hơn thế ở chỗ những người dân sinh sống nơi đây đa số là người Bắc Ninh, người dân của một vùng đất văn hóa đặc biệt, ai cũng sắc sảo giỏi giang, đẹp người, đẹp nết.

Nguồn: [Diễn đàn Bắc Giang Online](#)

Một số hình ảnh ngày nay

Làng Trại Hòe, nay là làng Ngọc Tân, gồm ba xóm Ba Trại, Tân Chung, Trại Mễ, là một làng rộng thuộc xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Hà Bắc (nay là Bắc Giang), dân số có khoảng 4500 người. Làng được thành lập khoảng 100 năm về trước.



Ngôi nhà ở giữa là **Đình làng**, bên trái là **chùa**, bên phải là **hội trường của làng**. Đầu những năm 50 đình và chùa của làng to và đẹp. Khu đất này hướng ra phía đông và nhìn ra cánh đồng, thế đất rất hợp với phong thủy, cách 300 mét trước cửa đình là Ao Xen, bên phải là Nội Đình Diên, bên trái là Núi Mỏm Đá ôm hai bên. Trong những năm hợp tác xã, đình và chùa bị hư hỏng hoàn toàn, chỉ còn lại phần hậu cung của đình. Đình và chùa như trong ảnh là

được xây dựng lại từ năm 2000 trở lại đây. Sân đình của làng khá rộng gồm hai cấp độ cao, ô tô không được đi qua nửa trên, các trò chơi trong ngày hội làng diễn ra ở nửa dưới.

Hội làng Ngọc Tân trước kia thường tổ chức vào ngày 10/1 âm lịch, khoảng mười năm nay chuyển sang hai ngày 14 - 15/1 âm lịch. Trong ngày hội tổ chức lễ đình, lễ chùa, lễ miếu, các trò chơi như bóng chuyền, cầu lông, kéo co, chọi gà, đánh cờ, hát quan họ, tối có biểu diễn văn nghệ. So với tất cả các hội làng trong vùng, điểm đặc biệt nhất của Hội làng Ngọc Tân là tất cả các khách đến dự hội đều được mời ăn cơm trưa với dân làng vào cả hai ngày hội, cơm rượu thịt khá ngon, người dân trong làng hiếu khách.



Trong ảnh là cảnh **sân đình**, nơi diễn ra các trò chơi trong ngày lễ hội. Phía bên trái sân đình là **cây thị** nổi tiếng của làng (giống như

Ông Trọng ở huyện). Cây thị này mọc từ khoảng 1954, tán là tròn, bốn mùa xanh tốt, bây giờ là giữa mùa đông mà vẫn xanh tươi như vậy, cây thị này chưa bao giờ ra trái.



Ảnh trên là cảnh **Cầu Tân Chung**, dân xóm Tân Chung muốn ra đồng hàng ngày phải đi qua chiếc cầu này từ trái sang phải. Đi thẳng đê là tới xóm Trại Mễ, đi ngược lại là về xóm Ba Trại. Con sông này dẫn nước từ sông Cầu trên Thái Nguyên về làng. Ngày xưa mỗi buổi trưa hè trẻ con trong làng thường ra sông tắm, nhưng ngày nay nước không còn sạch nữa, không còn ai tắm. Toàn bộ dân trong làng sinh ra và lớn lên nhờ dòng sông này. Đây là hình ảnh những ngày cuối cùng của cây cầu. Sau tết 2009 một cây cầu mới to đẹp hơn thay thế cây cầu này.



Cảnh **Cổng Bốn Cửa**.

Khi bốn cửa cống đóng hay mở vừa phải, nước trên đập sẽ dâng cao lên và chảy vào nhánh sông con phía bên phải, sông con đem nước tưới cho cánh đồng làng Ngọc Thành, rồi Dĩnh và vào trong huyện Tân Yên.

Đi thẳng theo đường đê là vào xóm Trại Mễ, qua cầu sang trái là vào khu trại mới của làng.



Cánh đồng làng Ngọc Tân trong vụ hoa màu cuối mùa đông. Trong vụ phụ này dân làng trồng ngô, lạc, khoai tây.

Bài viết: Bùi Thế Tâm, 30/12/2008

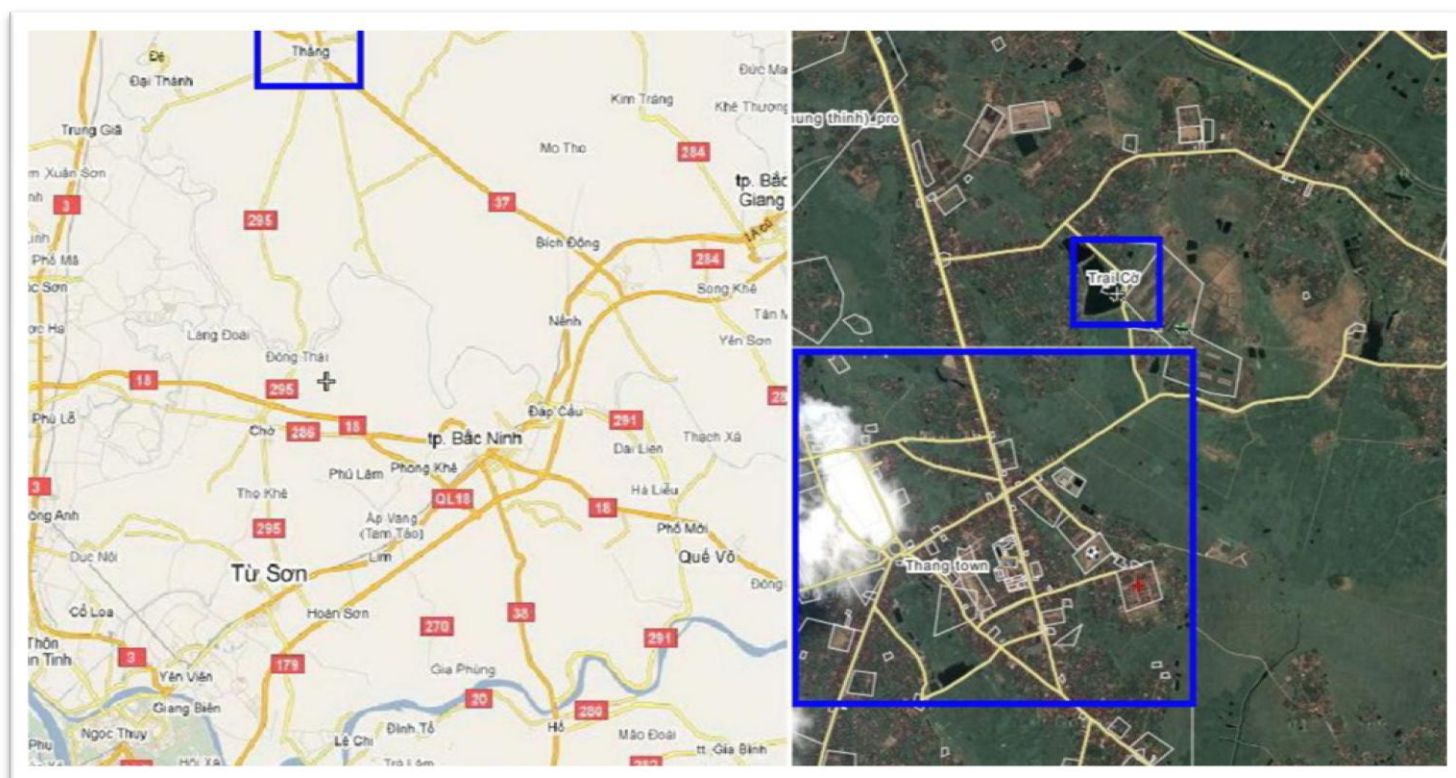
Ảnh : Bùi Thế Tâm, chụp 8 giờ, ngày 6/12/2008

Trại Cờ, xã Ngọc Sơn, gần phố Thắng (nay là thị trấn Thắng) -
phố huyện của Hiệp Hòa.

... Từ Trại Hòe, men theo đường làng, đi qua Trại Cờ là tới phố
Thắng.

Thị trấn Thắng

Từ Hà Nội theo quốc lộ 1A về hướng bắc 41 km tới ngã ba Đình
Trám, rẽ trái theo quốc lộ 37 khoảng 17 km thì tới trung tâm thị
trấn Thắng...



Xem bản đồ tại Wikimapia

Một số hình ảnh Thị trấn Thắng

Trung tâm Thị trấn Thắng ...



Công viên tại giữa Ngã Sáu, Thị trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Ngã Sáu có 6 đường đi:

đi Cầu Vát,

vào phố cũ rồi lên Quế Sơn,

sang hồ nước,

đi Ngã Tư Biển rồi lên Thái Nguyên,

đi Đình Trám,

về Đông Xuyên.

Phía sau ảnh: cột viễn thông và hồ nước.

Giữa công viên là Ông Tượng.



Ông Tượng tại trung tâm Thị trấn Thắng (Hiệp Hòa, Bắc Giang) vào sáng rằm Tháng 8 năm 2009.
Ảnh chụp từ trên cao



Ngã Sáu - Trung tâm Thị trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Phía trước ảnh là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
lớn nhất huyện,
đường phía trái đi cầu Vát,
đường phía phải vào phố Thắng cũ.
Phía phải ngân hàng là cây đa huyện.



Hồ nước tại trung tâm Thị trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Đây là hồ nhân tạo được đào vào đầu những năm 70 của thế kỷ trước.

Ảnh: Bùi Thế Tâm chụp ngày 3/10/2009, đăng 9/10/2009.



Ảnh 1. Con cháu của những người dân Hiệp Hòa đang sinh sống xa quê hương thường hỏi cha mẹ hay ông bà rằng "**Ông Tượng** ở Hiệp Hòa không biết hình dáng ra sao và đặt ở chỗ nào mà ai ở Hiệp Hòa cũng nói tới ông Tượng". Nếu dân Hiệp hòa nói "Ra ông Tượng mua mấy cân cam" hay "Ra ông Tượng mua cân thịt", nghĩa là đi tới trung tâm của Phố Thắng.

Ông Tượng của Hiệp Hòa (được làm bằng xi măng): chàng thanh niên mặc bộ quần áo ta, chân đi đất, thắt lưng da ngang lưng, bên sườn phải cài lựu đạn quả na, tay phải cầm mã tấu, tay trái cầm cờ cán tre theo Đảng đi cướp chính quyền huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang 1945. Ông Tượng đặt tại ngã sáu, chính giữa vườn hoa thị trấn Thắng, trước cửa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gần cây đa cổ thụ. Phía sau ông Tượng là hồ nước lớn nhân tạo rất lớn của huyện, bên cạnh hồ là Hiệu thuốc của huyện.



Ảnh 2.

Trước ngày có Ông Tượng, **cây đa cổ thụ trước cửa Ủy ban huyện** là biểu tượng của Hiệp Hòa.

Cây đã có hàng trăm năm, những người hiện nay 100 tuổi nói rằng khi bé họ đã thấy cây đa to như vậy.

Nhánh chính của cây đa đã bị gãy, hai nhánh lớn xum xuê hướng về hướng nam và hướng bắc.

Giữa cây rồng có đặt một bàn thờ và bát hương.

Từ Đình Trám về Hiệp Hòa cách xa cây đa 5-10 km đã nhìn thấy ngọn đa.

Ngày 19/8/1945 đại diện nhân dân các xã của Hiệp Hòa tập trung tại huyện lỵ để dự mít tinh chứng kiến sự ra mắt của Ủy ban dân tộc giải phóng huyện. Một lá cờ đỏ sao vàng to lớn, rực rỡ, tươi rói phấp phật tung bay trên đỉnh ngọn cây đa cổ thụ tại trung tâm huyện lỵ.



Ảnh 3.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đứng nơi đặc địa nhất tại trung tâm của huyện lỵ, cạnh ông Tượng.

Đây là ngôi nhà lớn nhất, xây hiện đại nhất của huyện Hiệp hòa cho tới thời điểm hiện nay.

Trong ảnh:

rẽ trái là đi cầu Vát,

rẽ phải là vào phố Thắng cũ.



Ảnh 4.

Toàn cảnh từ ông Tượng nhìn sang **nhà Bưu điện của huyện** (hướng đông).

Bùng binh phía trước ông Tượng là nơi tập nập nhất của huyện Hiệp hòa.

Trong ảnh:

rẽ phải là đi Đình Trám,

rẽ trái là sang Ngã Tư Biển.



Ảnh 5.

Ngã Tư Biển: nơi xuất phát của tất cả các ô tô đi mọi hướng từ Hiệp Hòa.

Trong ảnh:
rẽ phải là đi Đình Trám,
rẽ trái là đi Thái Nguyên,
đi thẳng là vào doanh trại bộ đội cũ.



Ảnh 6.
Cây đa cổ thụ làng Dinh Hương.

Làng Dinh Hương hình thành sau khi có Lăng Dinh Hương, cách đây gần 300 năm.



Ảnh 7.

Ngã ba Trại Cờ:

đi thẳng là Thái Nguyên,
rẽ phải là vào Yên Thế,
ngược lại là về Đình Trám, Việt Yên.

Đây là một địa danh lịch sử, là điểm hạ trại dưỡng binh của nghĩa quân Yên Thế: trước khi xuất quân về căn cứ địa Phồn Xương, Yên Thế, cụ Đề Thám đã làm lễ tế cờ tại đây để khích lệ tướng sĩ. Từ đó vùng đất này có tên là Trại Cờ (nghĩa là Trại tế cờ).



Ảnh 8.

Địa điểm này trước 1965 là **Trường cấp 2-3 Hiệp Hòa**.

Trên nền đất của ngôi nhà này năm 1964 là lớp 9 nhà tre lợp mái lá cọ.

Năm 1959 trẻ em xã Ngọc Sơn như tôi phải lên tận huyện mới có trường cấp 2 để học.

Năm 1963 bắt đầu có cấp 3 ở Hiệp Hòa (lớp 8 của hệ 10 năm), trước đó muốn học cấp 3 phải lên học tận Bắc Giang.

Khoảng năm 1920 để học cấp 1 trẻ em Hiệp Hòa đã phải lên tận Bắc Giang rồi, hàng tuần chiều thứ 7 đi xe tay (do người kéo) về nhà nghỉ ngày chủ nhật.

Hiện nay đây là Trường phổ thông cơ sở xã Đức Thắng.

Bài và ảnh: Bùi Thế Tâm, biên soạn lại ngày 14/8/2009